

NGUỒN XƯA

*Ta như chim đã lìa rừng
Khi về chốn cũ rưng rưng cõi lòng
Cá hồi tìm lại bến sông
Qua bao đại hải bão giông sóng cồn
Thân tàn bóng xế hoàng hôn
Ta nghe lệ nhỏ trong hồn tái tê
Ta từ ngàn dặm sơn khê
Dừng chân phiêu lãng trở về nguồn xưa
Chiều vương nắng nhạt lưa thưa
Sông Thu soi bóng hàng dừa lũy tre
Đò đưa trên bến chiều hè
Âm vang điệp khúc tiếng ve gọi sâu
Quê nghèo qua mấy biển dâu
Về thăm vườn cũ còn đâu gia đình
Chỉ còn âm vọng lời kinh
Độ trì cho những bóng hình thân thương
Tâm thành thấp một nén hương
Ngậm ngùi trở gót trên đường lưu vong*

HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

(1949-2008)

(Trích *THƠ TÌNH, CỔ THƠM* 2007)

HUẾ CỦA RIÊNG TÔI

*Huế của riêng tôi, một góc trời
Trầm tư lặng lẽ êm đêm trôi
Sông Hương e ấp đôi bờ mộng
Núi Ngự mơ màng gió thổi xuôi.*

*Thương quá em tôi lỡ một thời
Duyên xưa chưa thấm đã chia phôi
Tôi đi về phía phương trời khác
Để lại tình em những khúc nôi*

*Huế của riêng tôi mãi đậm đà
Dù bao năm tháng đã chia xa
Tim tôi vẫn mãi là tim Huế
Yêu Huế nồng nàn, Huế thiết tha.*

*Hồn Huế buồn buồn, bướm hóa mây
Mây bay khắp nẻo trời đông tây
Mậu Thân năm ấy buồn chi lạ
Cầu sập, thành tan, Huế đọa đầy.*

*Nay đã xa rồi, Huế biết không !
Sông Hương còn lại những chờ mong
Mang mang mấy điệu Nam Bình cũ
Huế của riêng tôi, một tấm lòng.*

Virginia, 3-2013

ĐĂNG NGUYỄN

VĂN HÀO NGÀ
VLADIMIR V. NABOKOV
(1899-1977)
với Tác Phẩm Lolita

Phạm Văn Tuấn

Vladimir Vladimirovich Nabokov là nhà văn Mỹ gốc Nga. Ông đã viết ra các tác phẩm văn chương đầu tiên bằng tiếng Nga nhưng sau khi tới Hoa Kỳ vì hoàn cảnh tị nạn, ông Nabokov đã sáng tác các tiểu thuyết bằng tiếng Anh rồi nổi tiếng trên văn đàn thế giới do thể văn đặc biệt. Ông Nabokov cũng đóng góp nhiều công sức vào ngành khảo sát bướm bướm (lepidoptery) và sáng tạo một số bài toán về cờ vua (chess).

I/ Cuộc đời của Nhà Văn Vladimir Nabokov.

Vladimir V. Nabokov là con trai của ông Vladimir Dmitrievich Nabokov và bà Elena, tên gốc là Elena Ivanovna Ruskavishnikova. Ông chào đời vào ngày 22 tháng 4 năm 1899 trong một gia đình quý tộc rất giàu có tại thành phố St. Petersburg, nước Nga, và đã sinh sống thời niên thiếu tại nơi này. Tuổi trẻ của ông Nabokov được ông coi là "hoàn hảo" bởi vì gia cảnh rất giàu có, với phương tiện dồi dào, với các người trong gia đình nói đồng thời ba thứ tiếng Nga, tiếng Anh và tiếng Pháp.

Người cha, ông Vladimir Dmitrievich Nabokov là một luật sư, một nhà báo và một chính khách, đã dùng một tòa nhà lớn bằng đá granite, màu hồng, là nơi hội họp của các nhà trí thức danh tiếng trên thế giới, kể cả các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ và các chủ ngân hàng.



Khi cậu Vladimir được 16 tuổi, ông chú Vaisiliy Ivanovich Rukavishnikov đã tặng cho cậu hai món quà sinh nhật đáng ngạc nhiên, đó là một bất động sản rộng lớn và một số tiền tương đương với hai triệu Mỹ kim. Cậu Vladimir đã xài tiền một cách phung phí kể cả việc trả chi phí in ấn cho một tập thơ, in đặc biệt với 500 ấn bản.

Như vậy ngay từ thuở thiếu thời, Nabokov đã là một đứa trẻ nói ba ngôn ngữ, lại có thể đọc và viết tiếng Anh dễ dàng hơn là đối với tiếng Nga, đây là điều làm cho người cha ái quốc phải buồn lòng. Những hồi tưởng về các ưu đãi của tuổi trẻ đã được tác giả Nabokov kể lại trong tác phẩm "Nói, Trí Nhớ" (Speak, Memory), cũng như được đề cập tới trong cuốn truyện đầu tiên

"Mary", rồi sau này còn được thuật lại rải rác trong những sáng tác khác như "Ada hay Ardor: Biên Niên Sử của một Gia Đình" (Ada or Ardor: a Family Chronicle).

Vào năm 1917 tại nước Nga xảy ra cuộc Cách Mạng Cộng Sản. Sa Hoàng Nicholas II phải thoái vị. Dân quân Bolsheviks chiếm chính quyền và tịch thu tài sản của các người giàu có cũng như các người bị nghi ngờ về chính trị. Gia đình Nabokov phải bỏ chạy khỏi thành phố St. Petersburg, chỉ mang theo được một số nhỏ nữ trang, họ sống nhờ các người bạn tại Yalta rồi Constantinople trong 18 tháng. Họ tưởng rằng sẽ sớm có dịp trở lại quê hương nhưng sau khi các toán quân Bạch Vệ (the White Army) bị thất trận tại Crimea vào năm 1919 thì gia đình Nabokov đành phải đi lưu vong sang nước Anh.

Khi sống tại nước Anh, Vladimir Nabokov và người em tên là Sergi (1900 - 1945) đã xin được các học bổng dành cho những người mới di cư để theo học tại trường Đại Học Trinity (Trinity College), Cambridge. Vladimir theo học các ngôn ngữ Slavic và Romance, những kinh nghiệm và hiểu biết này đã giúp ông về sau viết nên tác phẩm "Huy Hoàng" (Glory).

Vào năm 1923, Nabokov tốt nghiệp từ trường Đại Học ở Cambridge nhưng rồi theo gia đình di chuyển qua thành phố Berlin, nước Đức. Tại cộng đồng các người tị nạn Nga sinh sống trong thành phố Berlin, Vladimir Nabokov đã nổi danh là một nhà thơ và một tiểu thuyết gia, viết văn bằng bí danh Vladimir Sirin. Vào năm 1925, ông Nabokov đã kết hôn tại Berlin với cô Vera Slonim rồi hai năm sau, họ có người con trai Dmitri ra đời.

Tại thành phố Berlin vào năm 1922, người cha của Vladimir Nabokov là ông Dmitrievich đã bị ám sát chết khi ông đứng che chở cho ông Pavel Milyukov, một lãnh tụ lưu vong của đảng Dân Chủ Lập Hiến Nga

(the Constitutional Democratic Party), do bị các người quân chủ Nga (monarchists) xả súng bắn trong một cuộc hội họp chính trị.

Hình ảnh của cảnh chết bất ngờ vì bị hiểu lầm này đã được phản ánh qua các truyện hư cấu của tác giả Nabokov trong đó có các nhân vật đã gặp cảnh chết một cách tàn bạo, chẳng hạn như trong tác phẩm "Lửa Xanh Nhạt" (Pale Fire), nhà thơ Shade vì trông giống như một quan tòa, nên đã bị sát hại.

Vladimir Nabokov là một con người bị "kích cảm" (a synesthete) và ông đã mô tả trong nhiều tác phẩm các khía cạnh khác nhau của bệnh kích cảm (synesthesia). Đây là chứng bệnh của một người khi bị kích thích, sẽ gặp một cảm giác phụ, chẳng hạn như khi người này nhìn thấy một màu sắc đặc biệt thì sẽ cảm nhận được một mùi hương khác thường. Trong cuốn hồi ký có tên là "Nói, Trí Nhớ" (Speak, Memory), tác giả Nabokov cũng ghi lại rằng bà vợ của ông cũng bị chứng bệnh kể trên.

Vào năm 1937, gia đình Nabokov dọn nhà qua thành phố Paris rồi khi quân Đức Quốc Xã tràn sang đất Pháp, và ông Vladimir đã giảng dạy văn chương tại trường Đại Học Stanford. Chính tại Hoa Kỳ, Nabokov đã gặp ông Edmund Wilson, là người đã giới thiệu các tác phẩm của Nabokov với các độc giả Mỹ, khiến cho sau này, danh tiếng của Nabokov đạt tầm vóc quốc tế.

Năm 1941, Vladimir Nabokov tới trường Đại Học Wellesley, nhận chân Giáo Sư Diễn Giảng (lecturer) về môn Văn Học So Sánh (comparative literature). Ông trở nên người sáng lập ra Phân Khoa Tiếng Nga của Đại Học Wellesley. Nhờ có công việc ổn định, lợi tức đầy đủ và nhiều thời giờ rảnh rỗi, ông có thể theo đuổi công việc sáng tạo và khảo sát về con bươm bướm.

Sau các lần đi diễn thuyết tại các trường đại học vòng quanh Hoa Kỳ,

Vladimir Nabokov trở lại trường Đại Học Wellesley và trong thời kỳ từ 1944 tới 1948, ông vừa dạy tiếng Nga, vừa giảng giải về Văn Chương Nga. Ông thường diễn thuyết về các nhà văn Nga quan trọng thuộc thế kỷ 19 và các sinh viên đã đánh giá cao sự giảng dạy này, họ đã coi các bài giảng của ông là "vui, nhiều kiến thức và châm biếm một cách trong sáng" (brilliantly satirical). Ông Nabokov và gia đình xin vào quốc tịch Hoa Kỳ năm 1945.

Lớp học của ông Nabokov khá đông sinh viên nhờ cách giảng bài độc đáo và cũng vì vào thời gian này, người Mỹ đang quan tâm tới các vấn đề của Liên Xô. Vladimir Nabokov còn là người quản thủ (curator) về loài bướm bướm của Viện Bảo Tàng Sinh Học So Sánh của Trường Đại Học Harvard (Harvard's Museum of Comparative Biology).

Do lời khuyên của ông Morris Bishop, ông Nabokov rời khỏi trường Đại Học Wellesley vào năm 1948 để đi giảng dạy Văn Chương Nga và Văn Chương Châu Âu tại trường Đại Học Cornell.

Trong khi đi du lịch tại miền Tây của Hoa Kỳ, Nabokov bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết "Lolita". Vào tháng 6/1953, ông và gia đình tới Ashland, thuộc tiểu bang Oregon, và đã thuê một căn nhà trên đường Meade, tại nơi này, ông hoàn tất cuốn truyện "Lolita" và viết sang cuốn tiểu thuyết "Invitation of a Small Creature". Ông cũng đi lang thang tại các miền núi lân cận để tìm bắt bướm bướm. Ngày 1/10/1953, Vladimir Nabokov dọn gia đình về Ithaca, New York.

Nhờ sự thành công của tác phẩm "Lolita", nhà văn Nabokov có thể di chuyển qua châu Âu và dồn thời giờ vào công việc sáng tác. Ông sống tại Montreux, Thụy Sĩ, từ năm 1961 cho tới lúc qua đời vào ngày 02 tháng 7 năm 1977.

III/ Về công trình văn học của Văn Hào Vladimir Nabokov.

Vladimir Nabokov là nhà văn lúc ban đầu sáng tác bằng tiếng Nga nhưng về sau lại viết văn dễ dàng bằng tiếng Anh, sự kiện này khiến cho có người so sánh ông với nhà văn Joseph Conrad. Sự so sánh này không được chính xác bởi vì Conrad chỉ viết văn bằng tiếng Anh mà không bao giờ bằng tiếng Ba Lan, tức là tiếng mẹ đẻ.

Nabokov cũng dịch vài tác phẩm ban đầu của chính ông viết bằng tiếng Nga sang tiếng Anh, đôi khi với sự phụ giúp của người con trai Dmitri. Có lần, ông đã mô tả cách chuyển dịch ngôn ngữ này giống như một người đi chậm chạp từ một làng này sang một làng khác, trong tay chỉ cầm một ngọn nến soi đường. Nabokov quan niệm rằng khi viết ra một quyển truyện, ông cần phải chuyển dịch các ký ức của chính mình sang tiếng Anh, đã phải mất rất nhiều thời giờ để cắt nghĩa những điều mà ở nước Nga, được mọi người đều biết rõ. Nabokov cũng tự mình dịch sang tiếng Nga cuốn tiểu thuyết "Lolita" và cuốn "Bằng Chứng Rõ Ràng" (Conclusive Evidence).

Giới văn học thường ca ngợi Vladimir Nabokov vì cuốn tiểu thuyết quan trọng nhất của ông: "Lolita" (1955) trong đó tác giả đã dùng lối chơi chữ (word play) phức tạp nhưng khéo léo, cách trình bày tỉ mỉ, đã kể lại nỗi đam mê của một người đàn ông trưởng thành với một em gái 12 tuổi.

Lolita là một tiểu thuyết mô tả dục vọng mà đối với nhiều độc giả vào giai đoạn đó, đã coi là một tác phẩm dâm tục, là một cách khai thác "tình dục" (sex) bằng văn chương (literary exploration of sex), đã mô tả quan hệ tình dục với trẻ em (pedophilia) và các cách nô lệ tình dục khác (sexual slavery).

Vào đầu thế kỷ 20, do bị ảnh hưởng của các bài viết của Sigmund Freud, các nhà văn bắt đầu khai thác một đề tài gây

tranh luận, đó là dục vọng (sexual desire) và các hành động (activity), điển hình nhất là cuốn tiểu thuyết "Người Tình của Bà Chatterley" (Lady Chatterley's Lover) do D. H. Lawrence, một nhà văn người Anh. Do có nội dung phơi bày cảnh dâm tục, cuốn tiểu thuyết này đã bị cấm đọc tại một số quốc gia ở châu Âu. Vào năm 1923, nhà văn James Joyce cũng cho phổ biến tác phẩm vĩ đại "Ulysses" bên trong cũng mô tả cảnh dâm tục và thói thủ dâm (masturbation). Tác phẩm này đã bị cấm bán tại Hoa Kỳ do một quyết định của tòa án vào năm 1933.

Tuy nhiên, cuốn tiểu thuyết "Lolita" cùng với vài cuốn khác như cuốn "Lửa Xanh Nhật" (Pale Fire, 1962) đã đưa tác giả Vladimir Nabokov lên hàng các tiểu thuyết gia danh tiếng nhất của Thế Kỷ 20 (the greatest novelists of the 20th century).

Một công trình khác được chính tác giả Nabokov đánh giá cao là việc chuyển dịch sang tiếng Anh và bình giảng 4 cuốn tác phẩm thơ có tên là "Eugene Onegin" của Alexandr Pushkin. Qua "Các bài thuyết trình về Văn Chương" (Lectures on Literature), các ý tưởng về nghệ thuật của Vladimir Nabokov là những điều gây tranh luận, bởi vì tác giả Nabokov tin tưởng rằng các cuốn tiểu thuyết không nên nhắm vào việc dạy dỗ (teach) các độc giả và các độc giả không nên chỉ thông cảm với các nhân vật trong truyện mà cần đạt tới một thứ thưởng thức nghệ thuật cao hơn, do độc giả chú ý vào các chi tiết của thể văn (style) và cấu trúc của câu chuyện. Nabokov là tác giả đã quá chú trọng vào ngôn ngữ (language) và chi tiết, hơn là vào cách khai triển nhân vật (character development).

Khi giảng dạy tác phẩm "Ulysses" của James Joyce, cùng với một bản đồ, Nabokov đã đòi hỏi các sinh viên phải tìm ra các nhân vật ở trong truyện đã sinh sống tại chỗ nào trong thành phố Dublin mà

không giải thích về lịch sử phức tạp của xứ Ái Nhĩ Lan (Irish history), đây là điều các nhà phê bình cho rằng rất quan trọng trong việc tìm hiểu cuốn tiểu thuyết "Ulysses".

III/ Cuốn Tiểu Thuyết Lolita.

1/ Các nhân vật trong truyện.

a) Humbert Humbert: là một người trí thức vào tuổi trung niên, thường bị ám ảnh bởi các kiểu nữ. Đây là nhân vật chính và là người kể truyện trong cuốn tiểu thuyết, đã thuật lại mối tình với nàng Lolita, nhiều năm chung sống với cô nàng này, sự việc bỏ đi của cô nàng và hành động giết chết Quilty, một kẻ dâm dục trẻ em và là người chuyên viết dâm thư.

b) Clare Quilty: là một nhà văn nổi tiếng, đồng thời cũng viết dâm thư trẻ em. Anh chàng này đã hối lộ Lolita để nàng từ bỏ Humbert rồi tới sống và làm việc với hắn. Vào phần cuối của cuốn truyện, Humbert đã giết chết Quilty dù cho Quilty rõ ràng là một kẻ điên rồ.

c) Dolores Haze: là một thiếu nữ có biệt danh "Lolita". Nàng là con gái của Charlotte Haze, là con gái riêng của bà vợ, gọi Humbert là cha ghê. Cô nàng Lolita này được mô tả là một người nữ hấp dẫn, đã duy trì một thứ sức mạnh tình dục đối với Humbert và biến người đàn ông này thành một kẻ nô lệ. Về sau, nàng Lolita bỏ đi theo Clare Quilty rồi qua đời khi sinh con vào tuổi 18.

d) Charlotte Haze: là mẹ của Lolita và vợ của Humbert. Đây là một người đàn bà có niềm tin tôn giáo, đã không chấp nhận việc làm của con gái và đã cố gắng ngăn cản cô nàng này đi theo Humbert. Charlotte đã qua đời khi bị đụng xe sau khi đọc phần nhật ký của Humbert trong đó có ghi rõ anh chàng này không ưa bà ta và thèm muốn Lolita.

2/ Cốt truyện của tác phẩm.

“Lolita” là một tác phẩm văn chương trong đó trình bày tâm lý của một người đàn ông mắc bệnh tâm thần nặng nề. Giống như trong các cuốn tiểu thuyết khác của nhà văn Nabokov, tác phẩm Lolita cũng khiến cho độc giả phải có cảm tình với các nhân vật bên lề. Tác phẩm này cũng chứa đựng các truyện “tiểu lâm” (sexual jokes) khá khó hiểu đối với các người bình thường, khiến cho có người nói rằng không có ai hiểu rõ tác phẩm. Tuy nhiên, đây là một sáng tác văn học đã đem lại vinh dự cho tác giả và là tác phẩm được nhiều người tưởng nhớ tới nhất.

Nhân vật chính trong truyện là Humbert, đã viết lại các việc làm và suy tư của mình trong nhà giam, khi chờ đợi bị ra hầu tòa. Tác phẩm “Lolita” hay “Lời thú tội của một người đàn ông da trắng góa vợ” (Lolita or the Confession of a White Widow Male), đã kể lại quá trình của liên lạc tình dục của mình với một thiếu nữ trẻ. Humbert thú nhận đã bị ám ảnh vì các nàng kiều nữ trong suốt cuộc đời trưởng thành của mình.

Khi còn là một thiếu niên, Humbert đã yêu thương một cô gái trẻ tên là Annabel, nhưng không được đáp lại rồi do tình dục với Annabel không được thỏa mãn, Humbert đã say đắm Lolita.

Trước kia, Humbert đã lập gia đình với người đàn bà tên là Valeria nhưng cuộc hôn nhân này chấm dứt khi bà vợ bỏ đi, theo một người đàn ông khác vào buổi tối trước ngày di cư từ Pháp qua Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ, Humbert sinh sống trong tỉnh Ramsdale, thuê một phòng trong căn nhà của bà Charlotte Haze, bà này có người con gái 12 tuổi tên là Dolores. Lúc đầu Humbert và Dolores không hợp với nhau và Dolores, tức Lolita, được gửi đi tham dự một khóa trại hè. Trong khi đó, bà Charlotte đề nghị hôn nhân với Humbert, và dù cho

không ưa người đàn bà này, Humbert đã nhận lời để có cơ hội sống gần Lolita.

Trước khi Lolita trở về từ trại hè, bà Charlotte đã đọc được các trang nhật ký của Humbert, bên trong nói rõ hẳn không yêu bà ta mà chỉ thèm muốn Lolita. Charlotte đã hóa điên, bèn viết thư cho Lolita và khi chạy qua đường, bà ta đã bị xe hơi cán chết.

Sau đó Humbert đã đi tìm kiếm Lolita, nói dối rằng bà Charlotte hiện đang nằm bệnh viện và rồi Humbert đã quyến rũ Lolita. Hai người đưa nhau đi chơi trong 48 tiểu bang trước khi Humbert đưa Lolita trở lại thành phố cũ Beardsley để theo một trường trung học. Nhưng rồi bỗng nhiên Lolita biến mất. Humbert đi tìm kiếm nhưng 3 năm sau, mới nhận được thư của Lolita, bây giờ đã 18 tuổi, cho biết nàng đã lấy chồng, đang mang bầu và đang cần tiền. Humbert tìm đến địa chỉ của Lolita, đưa cho nàng 4 ngàn mỹ kim và hỏi nàng đã ra đi với ai. Lolita đã nói về Quilty. Sau đó, Humbert đã đi tìm kiếm Quilty, lén vào nhà và giết chết anh chàng này. Sau khi lái xe về nhà và vượt đèn đỏ, Humbert bị bắt giữ và vì thấy các vết máu cùng với khẩu súng, Humbert đã bị tống giam. Kẻ phạm tội này về sau đã chết trong nhà tù còn Lolita cũng qua đời khi sinh ra đứa nhỏ yếu vong.

3/ Nhận xét về cuốn tiểu thuyết Lolita.

Lolita là cuốn tiểu thuyết nói về dục vọng và sát nhân, hay còn được gọi là cuốn truyện đề cập tới việc giải tỏa các thèm muốn. Cuốn tiểu thuyết này có thể được chia làm 2 phần. Phần đầu nói về sự thèm muốn của Humbert đối với người con gái riêng của vợ mình rồi kết cuộc bằng sự bắt đầu mối tình của hai người này, với hành động chính là tình dục giữa Humbert và Lolita. Phần thứ hai kể lại về sự mất tích của Lolita và việc săn lùng Guilty với hành động chính là Quilty đã bị giết chết.

Humbert là con người chỉ muốn chiếm đoạt kẻ khác. Lúc đầu anh ta muốn cưới vợ, nên đã lập gia đình với Valeria. Sau đó vì muốn tình dục với Lolita, anh ta đã cưới Charlotte để được sống gần với người thiếu nữ đang tuổi xuân xanh, rồi sau đó anh ta cũng đã thành công. Humbert muốn trả thù Quilty, vì vậy anh ta đã giết Quilty. Mỗi lần Humbert muốn gì, cuốn truyện đã mô tả anh ta đạt được ý muốn đó ra sao. Cuốn truyện cũng mô tả các chi tiết của các thúc đẩy nội tâm (inner drives) của Humbert, đây là con người đã nhìn thấy rõ cơ thể của mình thèm muốn gì để về sau, anh ta đã làm gì để chiếm đoạt, theo như lý thuyết của Freud về cách khai thác tâm lý (psychological exploration).

Cuốn truyện của cho biết lời tâm sự của một kẻ sát nhân đang ở trong nhà tù, bị thất vọng, và kẻ gian này đã nghĩ lại về các hành động dâm dục và làm hại kẻ khác, và đây là hai trong số các bản chất căn bản nhất của con người.

Cuốn tiểu thuyết Lolita của Vladimir Nabokov là cuốn truyện đề cập tới sự dâm dục bị ám ảnh và các hành động bạo hành đổ máu. Các cảnh chết người thường thấy trong cuốn này. Khởi đầu cuốn truyện là cảnh qua đời của người mẹ của Humbert, rồi tiếp theo là các cái chết của Annabel, Charlotte và Quilty rồi cuối cùng, tới lượt Humbert và Lolita. Sự chết chóc được mô tả là thông thường, bởi vì cuốn tiểu thuyết cho người đọc thấy rằng ở trên đời, luôn luôn có số mạng (fate) và các tai họa bất thường. Charlotte bị đụng xe chết khi người tài xế tránh con chó nên đâm vào nạn nhân ở một chỗ không ngờ và vào một lúc cũng không ngờ. Humbert bị mất người mẹ vì bà ta bị sét đánh, chẳng qua là một xui xẻo và trong cuốn truyện có khuynh hướng nói rằng sự may rủi là yếu tố chính trong cuộc đời gồm có sống và chết, bởi vì thiên nhiên thì hay thay đổi và bất ngờ.

Lolita là cuốn tiểu thuyết với nhiều cách chơi chữ (word plays) và các ám chỉ (allusions) khéo léo, và Vladimir Nabokov là nhà văn có khả năng dùng ngôn ngữ để vừa tiết lộ, vừa che dấu sự thật khiến cho trong cuốn tiểu thuyết Lolita, ngôn ngữ bộc lộ được sức mạnh và tính thay đổi dễ dàng.

Vladimir Nabokov bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết Lolita trong thời gian đang diễn ra Thế Chiến Thứ Hai. Ông đã gửi bản thảo cho nhiều nhà xuất bản Hoa Kỳ nhưng họ đều từ chối, nói rằng tác phẩm này rất dâm tục (lewd) và sẽ gây ra tiếng xấu (scandalous) bởi vì đây là một quả bom chỉ chờ thời gian sẽ phát nổ.

Vào năm 1955, một nhà xuất bản tại thành phố Paris bên Pháp đã cho in cuốn truyện này rồi 3 năm sau, cuốn Lolita đã thành công về thương mại, được phổ biến tại Hoa Kỳ và được xếp vào hạng sách bán chạy nhất (bestseller list) trong 6 tháng, nhưng đồng thời, nhiều thư viện công cộng của Hoa Kỳ đã cấm đọc cuốn tiểu thuyết này. Tờ nhật báo Chicago Tribune (Diễn Đàn Chicago) từ chối không điểm sách bởi vì cuốn truyện này mô tả các cuộc ngoại tình, các cách thủ dâm, diễn tả quan hệ tình dục với trẻ em và các cách nô lệ tình dục.

Thực ra, tác giả Nabokov không có ý định đề cao sự tình dục với trẻ em hay bào chữa cho các hành vi của nhân vật chính trong truyện mà chỉ có chủ đích khai thác sự yêu đương giữa một người đàn ông và một thiếu nữ, và đây là lý do đã khiến cho các độc giả nổi giận.

Lolita là cuốn tiểu thuyết châm biếm nền Văn Hóa Mỹ sau Thế Chiến Thứ Hai, chế độ tiêu thụ quá dồi dào, các lối giải trí vô vị sản xuất hàng loạt, tất cả những thứ này là các đặc tính của một nền văn hóa theo tập tục (conformist culture).

Theo ông John Ray, Jr., Ph.D., nhà tâm lý học nghiên cứu về trường hợp của Humbert, thì "Lolita" là cuốn tiểu thuyết mà

người đọc phải thận trọng, bởi vì không nên đọc cuốn truyện này như một dâm thư giật gân (a sexy thriller) mà nên coi đây là một câu chuyện luân lý (a morale tale).

IV/ Các Tác Phẩm của Vladimir Nabokov.

1- Các tiểu thuyết dài và ngắn viết bằng tiếng Nga.

- (1926) Mashen'ka, dịch qua tiếng Anh: Mary (1970).

- (1928) Korol' Dama Valet, dịch sang tiếng Anh: King, Queen, Knave (1968) (Vua, Nữ Hoàng và kẻ lừa gạt).

- (1930) Zashchita Luzhina, dịch sang tiếng Anh: The Luzhin Defense hay The Defense (1964) (Bào Chữa), quay thành phim The Luzhin Defence (2001).

- (1930) Sogliadatoi (tiểu thuyết ngắn), dịch sang tiếng Anh: The Eye (1965) (Con Mắt).

- (1932) Podvig, dịch sang tiếng Anh: Glory (1971) (Danh Tiếng).

- (1932) Kamera Obskura, dịch sang tiếng Anh: Laughter in the Dark (1938) (Tiếng cười trong bóng tối).

- (1936) Otchayanie, dịch sang tiếng Anh: Despair (1937, 1966) (Tuyệt Vọng).

- (1938) Priglaseniya na kazn', dịch sang tiếng Anh: Invitation to a Beheading (1959) (Mời dự cuộc chặt đầu).

- (1938) Dar, dịch sang tiếng Anh: The Gift (1963) (Quà Tặng).

- (1939) Volshebnik, dịch sang tiếng Anh: The Enchanter (1985) (Người dùng tà thuật).

2- Các tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh.

- (1941) The Real Life of Sebastian Knight (Cuộc đời thực của Sebastian Knight).

- (1947) Bend Sinister (Sự độc ác uốn cong).

- (1955) Lolita, tự dịch sang tiếng Nga (1965).

- (1957) Pnin.

- (1962) Pale Fire (Ngọn Lửa xanh lợt).

- (1969) Ada or Ardor: A Family Chronicle (Ada hay Ardor: Biên niên sử của một gia đình).

- (1972) Transparent Things (Các đồ vật trong suốt).

- (1974) Look at the Harlequins (Nhìn vào anh Hề).

- (1977) The Original of Laura (Nguồn của Laura) (chưa xong, chưa phổ biến).

3- Truyện Ngắn.

- (1929) Vozvrashchenie Chorba (The Return of Chorba) (Ngày trở về của Chorba): 15 truyện ngắn và 24 bài thơ bằng tiếng Nga.

- (1947) Nine Stories (9 truyện ngắn).

- (1956) Vesna v Fial'te (Spring in Fialta and other stories) (Mùa xuân ở Fialta và các truyện khác).

- (1958) Nabokov's Dozen: một tuyển tập 13 truyện.

- (1966) Nabokov's Quartet.

- (1968) Nabokov's Congerie, in lại với tên là The Portable Nabokov (1971).

- (1973) A Russian Beauty and Other Stories (Người đẹp Nga và các truyện khác).

- (1975) Tyrants Destroyed and Other Stories (Các kẻ chuyên chế bị tiêu diệt và các truyện khác).

- (1995) The Stories of Vladimir Nabokov (Các truyện của Vladimir Nabokov).

- (2005) Cloud, Castle, Lake (Đám Mây, Lâu Đài, Hồ Nước).

4- Các vở Kịch.

- (1938) Izobretenie Val'sa, dịch sang tiếng Anh là The Waltz Invention.

- (1984) The Man for the USSR and Other Plays (Người từ Nước Nga và các vở kịch khác).

5- Thơ Phú và các Phê Bình Văn Học.

Rất nhiều tập thơ bằng tiếng Nga, được tác giả sáng tác từ năm 1916 tới năm 1979. Về phần Phê Bình Văn Học, tác giả Nabokov đã diễn thuyết về Nikolai Gogol, Eugene Onegin, Ulysses, Don Quixote và nền Văn Chương Nga. Ngoài ra, các công trình khảo sát về con bướm bướm được in thành sách Nabokov's Butterflies, xuất bản năm 2000./.

Phạm Văn Tuấn

JE CROYAIS QUE VIEILLIR...

Je croyais que vieillir me rendrait bien maussade,
Craignant chaque saison, les années, le tapage
Le grand vent et la pluie, l'esprit qui se dégrade,
Les cheveux clairsemés, les rides du visage.

Et puis je m'aperçois que vieillir n'a pas d'âge,
Qu'il ne faut point gémir, au contraire chanter.
Et même à petits pas les jours ont l'avantage
d'être beaux et trop courts quand ils sont limités.

Je croyais que vieillir c'était le ciel tout gris,
Le printemps sans les fleurs, les lèvres sans sourire,
Les fêtes sans chansons, les arbres rabougris,
Un livre sans histoire, un crayon sans écrire.

Et puis je m'aperçois que vieillir rend bien sage,
Que je vis chaque instant sans penser à demain,
Que je ne compte plus les années de mon âge,
Peu importe le temps, le crayon à la main.

Je croyais que vieillir transformerait mon âme,
Que je ne saurais plus contempler les étoiles,
Que mon cœur endurci n'aurait plus cette flamme
Qui transforme la vie lorsque le ciel se voile.

Et puis je m'aperçois que les plus belles roses
fleurissent à l'automne et sous mes yeux ravis,
Je respire très fort ce doux parfum que j'ose
garder pour embaumer l'automne de ma vie.

MARCELLE PAPONNEAU

TÔI TƯỞNG KHI GIÀ...

*Khi già tôi tưởng buồn sao
Mùa qua, năm hết, sợ bao chuyện đời
Xôn xao mưa gió toi bời,
Tinh thần sa sút, tóc thời điểm sương,
Nếp nhăn trên mặt chán chường.
Nhưng rồi thấy tuổi già thường vậy thôi
Dòng đời cứ mãi êm trôi,
Hãy ngừng rên xiết, để rồi hoan ca
Mặc cho ngày tháng dần qua
Dù cho ngắn hạn nhưng mà đẹp tươi.*

*Tưởng già sẽ xám màu trời
Hết hoa Xuân nở, hết cười trên môi,
Nhạc khi lẽ lạc vắng rồi,
Cây khô cành cỗi, sách thời còn chi
Bút hoa nét sẽ biếng ghi.
Rồi tôi chợt ngộ già thì khôn thêm
Hãy vui sống phút hiện tiền
Mặc ngày mai tới, chớ nên nghĩ nhiều
Đêm chi tuổi tác sớm chiều
Kệ thời gian, bút cứ gieo điệu vần.*

*Tưởng già thay đổi tâm hồn
Chắc là héo hắt chẳng buồn ngắm sao,
Tim chai đá, hết ngọt ngào
Lòng không còn lửa khơi bao nhiệt tình
Khi màn đêm tối giăng màn.
Rồi tôi chợt thấy trên cành hoa tươi
Mùa Thu hồng nở muôn nơi
Cho tôi vui ngắm, mắt ngời ánh quang
Ướp đầy lòng ngực hương ngàn
Giữ thơm tuổi xế chiều sang Thu rồi!*

**Tâm Minh
NGÔ TĂNG GIAO**
chuyên ngữ

CÔ HÀNG CHÁO GÀ

(Tiếp Theo và Hết)

Phạm Hữu Bính

Vài tuần sau, Tạ Xuân Vinh lại đến gõ cửa. Ông Khiêm lại ngoan ngoãn đưa tiền cho hắn. Hắn lấy súng ra để trên bàn, yên lặng hút thuốc lá một hồi rồi mới ra về.

Tối hôm đó, ông Khiêm bàn với vợ và con gái:

- Minh không thể làm ăn ở đây được nữa. Phải thu gọn cửa tiệm lại rồi yên lặng bỏ lên Hà Nội, tìm cách mở tiệm ăn hay làm gì cũng được. Tháng này không lấy thêm hàng mới nữa và không bán chịu cho ai. Nhất là đừng để cho ai biết ý định của mình.

Ít hôm sau, Tạ Xuân Vinh lại đến gõ cửa. Ông Khiêm ra mở cửa, tươi cười đón tiếp hắn. Nhưng mặt hắn hầm hầm nhìn ông Khiêm quát:

- Anh định bỏ thành phố này đi đâu? Muốn đi đâu thì cứ đi nhưng khôn hồn thì hãy đưa cả vàng bạc, vốn liếng ra đây đã.

Ông Khiêm run cầm cập, nói không ra lời:

- Dạ. Em sẽ nộp hết cho Trung Úy.

Ông đi vào phòng ngủ, mở tủ sắt, vét hết vàng bạc và tiền mặt bỏ vào một cái túi vải, đưa cho Tạ Xuân Vinh. Hắn nhìn vào túi vải, rồi chùng mắt nhìn ông Khiêm:

- Anh rờn mặt với tôi hở? Một cửa hàng lớn như vậy mà chỉ có bấy nhiêu thôi sao? Còn dẫu điếm đâu nữa thì đưa ra ngay. Anh muốn sống hay muốn chết?

Tạ Xuân Vinh để mũi súng vào màng tang ông Khiêm, quát:

- Còn đâu nữa thì mang ra ngay, nếu không tao sẽ bắn chết.

Hiền nhìn rõ mặt đỏ tái xanh, toàn thân run cầm cập, mắt hướng về phía Hiền đang ẩn. Ông như muốn nói cho Tạ Xuân Vinh biết; nhưng lại thôi. Phải chăng ông sợ nói ra thì Tạ Xuân Vinh có thể tha ông; nhưng hắn sẽ có cớ để nghi rằng Hiền là người của phe kháng chiến. Hắn sẽ bắt Hiền đem về hầm hiệp, tra tấn. Ông khóc lóc, van xin:

- Thưa Trung Úy. Đây là tất cả vốn liếng của em. Em kính dâng Trung Úy. Trung Úy tha cho em.

Tạ Xuân Vinh bóp cò súng. Một tiếng nổ chát chúa. Ông Khiêm ngã lả ra, máu chảy đỏ lôm cả sàn nhà. Bà Khiêm khóc nức lên thành tiếng, quì xuống lạy Tạ Xuân Vinh. Hắn quay mũi súng vào đầu bà, quát:

- Còn tiền của dẫu ở đâu nữa thì mang ra ngay. Mày muốn sống hay muốn chết?

Bà Khiêm năn nỉ không thành tiếng:

- Tất cả... tất cả chỉ có thế này. Xin ông tha cho con để con còn nuôi các con nhỏ.

Tạ Xuân Vinh bóp cò súng. Bà Khiêm lả ra sàn nhà, máu mê bắn tung toé. Hai đứa em trai Hiền chạy đến ôm lấy mẹ, khóc rống lên. Tạ Xuân Vinh chĩa súng vào hai đứa nhỏ bắn liền hai phát. Cả hai ngã lả ra. Hắn cầm túi tiền và vàng đi ra cửa. Hắn đứng lại suy nghĩ một vài giây rồi bật quẹt lấy lửa châm vào sập báo để trên bàn.

Hiền ngồi trong phòng kín sợ hãi đái cả ra quần mà không hay. Hiền ngồi yên như tê công cả thân thể. Chùng nghe tiếng

xe díp của Tạ Xuân Vinh đã chạy xa rồi, Hiền mới mở cửa phòng bí mật, ôm túi tiền và vàng, chạy lẩn theo bóng cây, tìm đường trốn đi.

Hiền đi theo những ngõ hẻm, lối tắt không có đèn đường. Hiền cố tìm ra rìa thành phố, nơi thưa thớt người ở. Lúc Hiền đã mệt nhoài thì trời cũng hửng sáng. Thấy một cụm chuối lớn gần đó, Hiền chui vào nghỉ và ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Khi Hiền tỉnh dậy thì mặt trời đã lên cao hơn ngọn cây. Từ trong bụi chuối nhìn ra, Hiền thấy một bà nhà quê, chừng bốn mươi lăm hay năm mươi tuổi đang gánh nước tưới rau trong vườn. Hiền bước đến gần. Người đàn bà giật mình quay lại nhìn:

- Úa, cô này sao lại ở đây?

Hiền ấp úng nói:

- Cháu chạy nạn. Làng cháu bị bom đạn. Bỏ mẹ cháu và các em cháu tử nạn cả. Cháu khát nước quá. Cô cho cháu hẹm nước lã được không?

Người đàn bà tỏ vẻ thương hại:

- Vào đây cô lấy nước cho mà uống.

Hiền theo người đàn bà vào căn nhà tranh, lấy gáo múc nước ở chum trong bếp lên uống. Thấy vẻ tiêu tụy của Hiền, người đàn bà động lòng trắc ẩn:

- Chắc cháu cũng đói lắm phải không? Cô cũng còn ít cơm nguội, ăn tạm cho đỡ đói.

Hiền vừa ăn vừa than thở:

- Cả nhà cháu chết hết. Cháu bơ vơ không biết đi về đâu. Cô cho cháu ở tạm đây vài hôm, được không? Cháu sẽ lo làm ăn để có tiền trả tiền nhà cho cô.

Người đàn bà gật đầu:

- Cô có đứa con trai. Nó bị bắt đi lính rồi bị tử trận. Còn đứa con gái cô ở trên Hà Nội với chồng. Thịnh thoảng nó cũng xuống đây thăm cô. Cô ở một mình buồn lắm. Có cháu ở thì cũng vui hơn. Cháu có thể ở phòng trống này. Cô tên là Duyên. Cháu tên là gì?

- Cháu tên là Hiền.

Người đàn bà nhìn Hiền một lúc, rồi nói:

- Cháu trẻ, lại xinh xắn. Đàn ông, con trai thấy cháu rồi trông ghẹo. Để cô cho cháu mượn cái khăn mỏ quạ mà chùi đầu cho giống người lớn tuổi.

Người đàn bà nghĩ ngợi rồi nói thêm:

- Cháu cũng lấy khăn hay quần áo cũ độn vào bụng làm như người có chứa để đàn ông khỏi nhòm ngó.

Hiền mừng rỡ, gật đầu:

- Cháu cảm ơn cô.

Trong khi chưa biết làm gì, Hiền gánh nước tưới rau, giúp chủ nhà. Nhưng Hiền biết đây không thể là việc làm lâu dài cho Hiền được. Có lúc đói bụng, Hiền nghĩ đến những bát cháo gà thơm ngon mẹ nấu mà chảy nước mắt. Rồi Hiền nảy ra ý kiến: Nấu cháo gà đi bán rong để sinh sống. Một cô gái vừa học xong trung học, không có nghề gì, đi bán cháo gà rong có lẽ là việc làm hợp nhất cho Hiền lúc này. Có lúc Hiền đã nghĩ đến chuyện trốn lên Hà Nội; nhưng chính Hiền lại gạt bỏ ngay ý nghĩ đó đi. Hiền cảm thấy Hiền phải ở lại thành phố này cho đến khi thực hiện được sứ mạng của Hiền. Hiền cũng linh cảm thấy rằng đi bán cháo gà rong có thể sẽ giúp Hiền đạt được sứ mạng đó.

Buổi đầu gánh hàng nặng trĩu trên vai làm Hiền cảm thấy chán nản. Hiền ngượng ngùng cất tiếng rao:

- Cháo gà! Cháo gà nóng hổi, thơm ngon đây.

Đi hai ba dãy phố, rao khắp cả phố mà không ai gọi mua, Hiền thấy thất vọng vô vàn. Vừa lúc đó có tiếng gọi:

- Cháo gà.

Hiền rảo cẳng gánh hàng lại. Từ trong một căn nhà trệt, một người đàn bà

chừng năm mươi tuổi, ăn mặc gọn ghẽ bước ra. Hiền nhận ra người đó là bà Tuân, một khách hàng thường xuyên của ông Khiêm. Nhưng bà Tuân không nhận ra Hiền. Bà Tuân nói:

- Chị cho tôi mua hai bát to.

Hiền yên lặng đong cháo đưa cho bà Tuân và nói lí nhí:

- Bà cho cháu hai đồng.

Bà Tuân trả tiền cho Hiền, không một chút thắc mắc gì. Hiền quẩy gánh hàng đi với một vẻ tự tin hơn. Sẩm tối, Hiền bán hết cháo, rào cẳng về nhà. Đếm lại tiền nong, Hiền tính ra được lời tám đồng, một số tiền đủ cho Hiền sống được hai ngày. Nhưng lúc này Hiền không cần tiền. Số vàng và tiền mặt ông Khiêm để lại cũng dư cho Hiền sống an nhàn năm bảy năm. Hiền tiếp tục đi bán cháo gà với một mục đích khác, một mục đích thiêng liêng gây động lực thúc đẩy từ trong đáy lòng Hiền mà ra.

Ngày hôm sau, trước khi gánh hàng đi, Hiền đong một bát cháo, bày thêm nhiều thịt gà, hai tay mang đến để trước mặt bà Duyên, tươi cười, kính cẩn nói:

- Cháu mời cô một bát cháo nóng.

Bà Duyên sưa tay:

- Sao mà cháu cứ bày vẽ. Mới đi buôn bán, lời lãi có được bao nhiêu, mà cứ cho cô thế này.

Nhưng bà Duyên cũng đỡ lấy bát cháo.

Hiền cố ý mỗi ngày đi bán hàng một khu phố khác nhau. Hiền đi bán hàng; nhưng Hiền cũng để ý quan sát từng căn nhà, như thể muốn tìm kiếm một cái gì.

Một hôm Hiền đến bán hàng ở khu phía Đông thành phố, nơi có những nhà khang trang. Hiền cất tiếng rao:

- Cháo gà đây. Cháo gà nóng hôi, thơm ngon đây.

Sau vài ba câu rao hàng, Hiền nghe tiếng gọi:

- Cháo gà. Cháo gà.

Quay lại nhìn, Hiền thấy một người đàn bà cỡ bốn mươi tuổi, ăn mặc lịch sự, vừa mở cửa bước ra, vừa vẫy tay gọi. Hiền vội rào bước đi đến. Hiền thấy một căn nhà gạch, mái ngói đỏ mới xây, có hàng rào sắt chung quanh, đằng trước có vườn hồng. Bên cạnh công chính có một chòi canh sơn xanh, đủ cho một người lính đứng gác. Một chiếc xe díp nhà binh đậu sát lề trước cổng vào.

Người đàn bà mở công và ra hiệu cho Hiền gánh hàng vào sát bực thềm. Hiền kính cẩn hỏi:

- Thưa bà mua mấy bát?

Người đàn bà nói vắn tắt:

- Hai bát lớn, hai bát nhỏ.

Hiền đong bốn bát cháo, để lên một khay gỗ, bung theo chủ nhà. Hiền bung từng bát cháo để nhẹ nhàng xuống bàn. Người đàn bà đưa tiền trả cho Hiền rồi lớn tiếng gọi:

- Có cháo gà nóng đây rồi. Ông ra mà ăn. Cả mấy đứa nữa, lệ lên. Kéo cháo nguội hết.

Một người đàn ông từ phòng trong bước ra. Hiền đưa mắt nhìn rồi bủn rủn cả chân tay: Người đó chính là Tạ Xuân Vinh. Hiền quay mặt đi, cố trấn tĩnh, thông thả bước ra khỏi cửa. Người đàn bà gọi với:

- Tôi sẽ để bát đĩa ra ngoài cổng cho cô.

Từ bữa đó trở đi, Hiền gánh cháo đi bán với một lòng tự tin mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Hôm nay là giỗ đầu bố mẹ và hai em, Hiền thắp hương lên bàn thờ, khăn vái một hồi rồi sửa soạn gánh hàng đi bán. Hiền đến chỗ bà Duyên đang ngồi ở giường nghe cải lương, thân mật nói:

- Cháu sắp lấy chồng, cô ơi.

Bà Duyên nhìn Hiền, ngạc nhiên ra mặt:
 - Vậy sao? Chồng cháu ở gần đây không?
 Hiền cười:
 - Chồng cháu ở mãi tít trên Bắc Ninh.
 Cháu sẽ phải theo chồng cháu lên trên đó.
 Cháu sẽ nhớ cô lắm đấy. Mà chồng cháu con nhà giàu. Cháu sẽ biếu cô nhiều vàng và tiền.
 Khi nào cô ngủ dậy mà thấy có vàng và tiền trong bụng áo thì cô phải đi ngay lên Hà Nội mà sống với con gái cô. Ở đây rồi quân gian sẽ đến cướp của cô hết, mà còn đánh đập cô nữa.
 Bà Duyên bán tin bán nghi, thắc mắc hỏi:
 - Cháu nói thật hay nói đùa? Mà làm cô thêm lo lắng.
 Hiền nghiêm nét mặt:
 - Cháu nói thật. Cô nhớ khi có tiền là cô phải chạy lên Hà Nội ngay. Trừ trừ là sẽ nguy hiểm lắm.
 Rồi Hiền dong một bát cháo đưa cho bà Duyên:
 - Cháu biếu cô một bát cháo nóng. Cô ăn cho đỡ mệt.
 Cũng như mọi khi, bà Duyên đỡ lấy bát cháo rồi nhắc lại câu nói thường lệ:
 - Buôn bán lời lãi bao nhiêu mà cứ nay cho cô, mai cho cô thế này
 Hiền gánh cháo đến thẳng khu nhà Tạ Xuân Vinh. Sau một vài câu rao hàng ngân nga, bà vợ Tạ Xuân Vinh mở cửa ra gọi:
 - Cháo gà!
 Hiền nhanh nhẹn gánh hàng vào tận sát bực thêm, kính cẩn nói:
 - Thưa bà cũng mua hai bát lớn, hai bát nhỏ, như mọi khi?
 Người đàn bà gật đầu:
 - Hai bát lớn, hai bát nhỏ, một đĩa thịt và lòng gà.
 Hiền đem bốn bát cháo cùng đĩa thịt vào, kính cẩn để xuống bàn. Vừa ra đến cửa thì Hiền nghe tiếng người đàn bà gọi chồng và con ra ăn cháo. Hiền khe khẽ khép cửa lại, rồi

CHỈ LÀ SẮC, KHÔNG

Để nhớ Lan Điền

Trở về lối cũ quê xưa
 “*Kành-iêu*” vắng lạnh, mưa mùa hắt hiu
 Ngựa xe nhộn nhịp một chiều
Hàng Xanh “vô cảm” tiêu điều, xác xơ
Cầu sơn cũ kỹ bơ phờ
 “*Thi ca Văn Thánh*” hội thơ một thời
 Chuyến đò *Bình Quới* buông lơ
 Nắng chiều hiu hắt, bèo trôi gió lùa
Thanh Đa mái rạ lưa thưa
 Bên hàng cao ốc, cọt đũa đỏ đen
 Đâu rồi! *Chủ Nhiệm* dịu hiền
Tân Bình phó hội quần tiên gieo vắn
 Người đi thỏa mộng phong vân
 Dấu chân để lại, góp phần trái ngang
 Người đi đến chỗ giàu sang
 Bạt ngàn tuyết phủ, ngõ ngàng tình thân
 Cảm thông ánh mắt giai nhân
 Bên song dỗi bóng, tàn ngần xót xa
 Vương vào phận số đào hoa
 Bao nhiêu chuyện đã... *chỉ là sắc, không.*

Irvine City,
 ngày 27 tháng 3 năm 2013

Hà Việt Văn

đong một bát cháo đầy đưa cho người lính đứng gác ở cổng:

- Em mời chú soi một bát cháo.

Chú lính đỡ lấy bát cháo, nói lí nhí mấy lời cảm ơn. Hiền gánh hàng đi thông thả ra đầu đường, đứng đợi một lúc rồi quay đầu nhìn lại. Chú lính đã ngồi ngả đầu sang một bên ghé, hai tay buông thõng. Cái bát và thìa đã rơi xuống gạch vỡ tan tành.

Hiền gánh hàng trở lại nhà Tạ Xuân Vinh, mở hé cửa nhìn vào: Tạ Xuân Vinh dựa mình vào thành ghé, đầu ngả về phía sau, mắt nhắm nghiền. Vợ hấn gục đầu vào bàn, hai tay buông thõng. Hai đứa con nằm lăn dưới sàn nhà.

Hiền mở thúng hàng lấy ra một con dao lớn vừa nhọn vừa sắc sáng loáng – con dao mà Hiền đã năn nỉ người làm thịt heo ở chợ bán lại cho. Hiền mở rộng cửa đi vào với vẻ quyết liệt của một ông tướng ra trận.

Chưa đầy mười lăm phút sau Hiền lại quẩy gánh hàng ra về.

Bước chân vào nhà, Hiền thấy bà Duyên vẫn say giấc nồng trên giường. Hiền lật một viên gạch ở góc nhà, lấy túi vải đựng tiền và vàng. Hiền đem cả túi nhét vào trong áo bà Duyên rồi trở lại bàn thờ.

Hiền đốt nhang, quì xuống khấn thành tiếng:

- Từ ngày bố mẹ và hai em bị chết oan uổng, con chỉ sống với một mục đích: Giết cả nhà tên Tạ Xuân Vinh để trả thù cho gia đình ta. Hôm nay con đã đạt được mục đích đó. Con có của lễ đặc biệt này để dâng lên bố mẹ và hai em.

Rồi Hiền mở nồi cháo, đưa tay nắm lấy mớ tóc và nhắc lên cái đầu của Tạ Xuân Vinh, lúc này đã chảy hết máu và tái xanh, tái sạm. Hiền đặt đầu Tạ Xuân Vinh vào cái đĩa sứ còn để trống trên bàn thờ.

Quì xuống một lần nữa, Hiền tiếp tục khấn:

- Con đã chặt đầu tên khốn nạn đem về đây làm của lễ dâng lên bố mẹ và hai em. Thù nhà đã trả, con đã hoàn thành sứ mạng con tự đặt cho con. Nhưng khi con giết cả nhà tên Tạ Xuân Vinh thì con đã trở thành một tên sát nhân, có khác gì hấn đâu. Con có lý do để giết Tạ Xuân Vinh, nhưng con có lý do gì để giết vợ hấn và hai con hấn? Người đàn bà kia hoàn toàn vô tội. Hai đứa nhỏ kia hoàn toàn vô tội. Trong một hai ngày nữa, bọn chúng sẽ lùng bắt con, mang về hãm hiếp, tra tấn, rồi giết con. Con đáng tội chết. Con không còn lý do gì để sống ở trên đời này. Con không còn ai thân thuộc. Con không biết trốn đi đâu. Làm sao con dám lấy chồng để liên lụy cho chồng con? Làm sao con dám sinh con để phải trông thấy những đứa nhỏ, nhắc nhở cho con cái chết đau thương của hai em và cái chết đau thương mà con đã gây ra cho hai con nhỏ của Tạ Xuân Vinh? Bố mẹ và hai em hãy chờ con.

Hiền đưa tay vào cặp quần lấy ra khẩu súng lục mà Hiền đã lấy ở cặp quần Tạ Xuân Vinh sau khi giết hấn. Hiền gục xuống khóc sụt sùi một hồi rồi há miệng, đưa súng vào bóp cò.

PHẠM HỮU BÌNH
(Virginia)

CHUYẾN TÀU CUỐI NĂM

Về quê hương vào những ngày cuối năm
Trên con tàu chở đầy xiềng xích
Xin vĩnh biệt chào vương quốc lừa dối
Ta trả lại Người những đói rét hờn căm

Mai ta đi từ bóng tối mù tăm
Nơi ta về quê miền Nam yêu dấu
Hãy ở lại những đói nghèo đau thương ả náu
Chia tay nghe, vĩnh biệt yên nằm

Chào không chút xót thương núi rừng Việt Bắc
Hoàng Liên Sơn, Yên Bái, Lào Kai
Chào Vĩnh Phú, Thanh Phong, Thanh Hóa
Còn trong ta con ác mộng chưa phai

Chào bo bo, chào sấn khoai, bắp xay bắp hạt
Vĩnh biệt nghe nước muối đại dương
Chào rau tàu bay, lá rừng chua xót
Khi nghĩ về lạnh buốt khớp xương

Mai ta đi chào những ngôi giáo đường
Đứng lạnh lùng giữa hoang tàn cỏ dại
Hãy ở lại nghe những nghiêng chùa đổ chái
Áo rêu phong khép kín niềm thương

Chào con phố nào ta đã có lần qua
Dẫu không biết tên để gọi
Nhưng trong lòng ta thầm nói
Đó là phố Sinh Từ
Để nhớ Trần Dần và nhóm Nhân Văn

Để ngợi ca những thi sĩ, nhà văn
Đã dũng cảm đấu tranh cho Sự Thật
Ngâm ngùi trong lòng ta tưởng nhớ Phan Khôi
Nhớ ông Bình Vôi bất hủ

Nơi miền quê nào ông đã yên nằm ấp ủ
Nhưng trong lòng tôi ông sống mãi
Ông sống mãi rồi ông Phan Khôi ơi
Nhớ về ông tôi nghĩ tới Kim Tự Tháp
của ông Hồ

Mai cuộc vòng tròn đời còn tính số
Mai ta đi chào những gia đình bị chỉ
định cư trú
Vách đất mái tranh không đủ ấm mùa Đông
Nương sấn đòi khoai không đắp đổi qua ngày

Phải lặn lội rừng sâu năm năm một lần đổi chỗ
Thương cụ già tám mươi tắt bật ngược xuôi
Mấy chục năm rồi đói khổ
Nhìn đàn con cháu điều linh
Không dám đứng lâu để bày tỏ sự tình
Sợ thẳng công an góc nhìn quở mắng

Chào em bé ném đá ta ngày mới tới
Và cô bé chu miệng chười rủa mẹ cha ta
ngày mới ra
Giờ thì biết em đã biết ta
Không phải là quân ăn thịt người
Nên đã có em mang sấn đến cho ta

Từ con tàu qua khỏi bờ Nam
Kinh hoàng lòng ta rợn người muốn khóc
Đã sau lưng rồi xứ sở đau thương
Ta đã thoát hang hùm khó nhọc

Trên những cánh đồng miền Trung tàu qua
Ta chỉ thấy đàn bà em nhỏ
Thanh niên đâu, đi lính hay tù
Đã mấy năm rồi quê hương thế đó

Này cô gái thanh niên xung phong
Khi con tàu qua khỏi hầm đèo
Sao cô cầm đá ném vào đầu công an
Rồi hai tay chống nạnh nhìn theo

Này các em ở sân ga Đà Nẵng
Có bao lăm lời lỗ thế nào
Mà em ném cho ta bao thuốc tặc
Nhờ công thấy được làm sao

Này các em nhỏ ở sân ga Nha Trang
Em hát những gì nghe sao ngộ nhĩnh
Em giận đời chẳng rằng em bị phỉnh

*“Như có Bác Hồ trong thùng phuy đập nắp
Mở nắp ra nghe cái cốc trên đầu”*

Em hát lạ lùng giữa một đám đông
Đứng vẫy tay chào các anh trở lại
Trong lòng ta từ nay sống mãi
Tình quê hương lòng đồng bào miền Nam
Trong nỗi đau quân cướp Đỏ bạo tàn

Này cái vẫy tay vụng trộm đón chào
Này con mắt nhìn đầu yêu thâm lặng
Này nụ cười trao gửi niềm tin
Đã hiểu rồi ta nhất định thắng

Chúng không giết được chúng ta sau ngày
30 tháng 4

Chúng không giết được ta trong **BÓNG TỐI**
ĐÓI RÉT và **SỰ LÃNG QUÊN**
Nơi rừng núi âm u Việt Bắc
Ta đã ra ánh sáng ta đã về đất sống
Nhất định chúng ta phải thắng
Nhất định chúng ta phải thắng

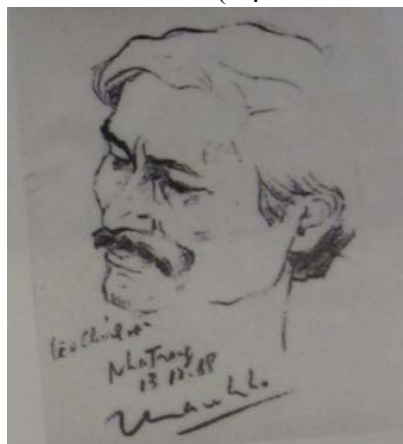
Nhất định chúng ta phải thắng
Thép đã tôi lưỡi gươm này phải sắc

Phải rắn phải chắc phải bền lòng dũng cảm
Đường gươm đi phải đẹp
Phải làm lại từ đầu với cái giá đã mua
Phải làm lại từ đầu đừng để lòng già nua

Tóc đầu bạc nhưng lòng thanh niên trẻ lại
Trên bước đường đi, trong trái tim đời thoải mái
Ta hiên ngang chững chạc đàng hoàng
Ta đã về khi quân cướp hoang mang
Ta đã về với niềm tin tất thắng

Về quê hương vào những ngày cuối năm
Dấu trong tay xích xiềng còn trói chặt
Nhưng trong lòng ta bao nỗi hân hoan
Khi thấy dấu bạo tàn sắp tắt

Lê Mai Lĩnh (Trại tù Gia Rai 1-1-81)



Tên thật Lê Văn Chính, gốc gác Quảng Điền, Triệu Phong, Quảng trị. Tức là **SƯƠNG BIÊN THỦY**, viết từ năm 1958, với nhiều thể loại. Trước 75 từng cộng tác với: Nghệ Thuật, Khởi Hành, Gió Mới, Ngàn Khơi, Văn, Tiền Phong... Cựu Sĩ Quan QLVNCH. Dù trong gông cùm, xiềng xích, trước họng súng lưỡi lê, Thi sĩ vẫn lên tiếng và thơ đã có mặt.

Những dấu vết còn lưu lại đọc con đường văn hóa

(Trích trong Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm)

Dấu vết đầu tiên còn ghi lại trong tục ngữ, ca dao là tính trọng văn khinh võ:
“Quan văn thất phẩm thì sang,
Quan võ thất phẩm phải mang guơm hầu.”

Đó là một trong những đặc tính quan trọng để phân biệt hai nền văn hóa nguyên thủy chính của loài người và đặc biệt ở khu vực Á Đông. Văn hóa nông nghiệp: Đề cao mẫu quyền, thiên về tình cảm, chuộng văn, hiếu hòa, chủ trương nhân trị, vương đạo, truyền hiền... Trong khi đó, văn hóa du mục: Đề cao phụ quyền, thiên về lý trí, trọng võ, hiếu chiến, thích chinh phục, chủ trương pháp trị, bá đạo, thế tập...

Dấu vết tiếp theo là chuộng việc học hành, khuyến khích văn chương chữ nghĩa:
“Thầy mẹ sinh em phận gái giữ đạo cương thường
Anh lui về học lấy văn chương
Nghìn thu em vẫn đợi, không vấn vương nơi nào.”

Việc học hành đó không chỉ ngừng lại ở phương diện *văn chương*, mà còn phối hợp cả việc *tập tành lễ nghi* và nhất là học đến chỗ rốt ráo là *cách vật trí tri*, là cái học đến tận cùng căn để, *tận kỳ tính* của Nho:

“*Dạy con từ thuở tiểu sinh
Gần thầy gần bạn tập tành lễ nghi
Học cho “ cách vật trí tri
Văn chương chữ nghĩa nghề gì cũng thông.”*

Đã chuộng văn chương chữ nghĩa thì đương nhiên phải trọng con nhà *văn học*:

“*Hò ơ...Bạc với vàng con đen, con đỏ
Nhưng sợ giọng rồi, giọng tuồng.
Em muốn lấy anh thợ đóng xuồng
Nhưng sợ ảnh hay dần, hay thúc.*

*Hò ơ... ấy lời trong đục, chẳng dám nói ra.
Có thầy giáo tập ở làng ta
Hay khuyên, hay điếm, hay dạy, hay răn.
So đức hạnh ai bằng
Lại con nhà văn học
Sử kinh thầy thường đọc
Biết việc thánh hiền.
Hò ơ... Gặp nhau em kết nghĩa liền, không
chờ, chẳng đợi...”*

Những câu hò như tiếng vọng từ tiềm thức thâm sâu, tận đáy lòng của người bình dân vang lên nguyện ước của người con gái mong có được người bạn đời lý tưởng thật nho nhã:

“*Đèn Sài Gòn ngọn xanh, ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tó, ngọn lu
Anh về anh học chữ Nhu
Mấy trăng em cũng đợi, mấy thu em cũng chờ.”*

Chữ Nhu đó có nghĩa là mềm mỏng, nho nhã mà cũng chính là nguyên Nho của Việt tộc từ ngàn xưa , một nền Đạo học rộng mênh mông :

“*Rừng Nhu bể thẳm khôn dò,
Nhỏ mà không học lớn mò sao ra.”*

Tinh hoa của nền Đạo học này vẫn còn để lại ấn dấu sâu đậm trong tiềm thức, tận thâm tâm của người bình dân mộc mạc ở thôn quê chưa bị xuyên tạc bởi văn hóa nô dịch của đế quốc, tà thuyết ngoại lai. Nguyên Nho đã có mặt trên địa bàn Việt tộc cổ cho tới vùng núi Thái Sơn:

*“Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
(*Ngày xưa phương tiện giao thông thiếu thốn)*

Ca dao là chất liệu dinh dưỡng nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, cho nên được phổ biến ra cho toàn dân : sĩ, nông, công, thương. Mọi người lo phát huy nghề nghiệp chuyên môn của mình tạo cuộc sống ấm no cũng như lấy ca dao tô điểm sinh hoạt văn hóa khiến cho cuộc sống trở nên đẹp đẽ, hòa hợp trong cảnh thái bình:

*“Ai ơi giữ phép nước ta
Ai ơi thương lấy dân nhà một ông
Có hậu dưỡng mới phú phong
Kẻ cày người cấy, sống trong thái bình
Kẻ Nho lo việc học hành
Mai sau chiếm bằng nức danh trên trời
Kẻ buôn thì được lắm lời
Tàng vương chi thị tứ thời bán buôn
Kẻ công ai cũng tranh đua
Làm nghề chạp vẽ: phượng, rùa, long, ly
Tứ dân mỗi nghiệp mỗi nghề
Nhờ trời đều được gặp khi thái hòa
Toàn dân vang khúc dao ca.”*

Như vậy là tiếng hát ca dao đã thật sự phổ biến khắp toàn dân.

Đến khi vua Lý Thái Tổ (1010-1028) lên ngôi, dời đô về Thăng Long vào tháng bảy năm 1010, thì đất nước mới thật sự

bước vào thời kỳ độc lập tự chủ vững chắc, lâu dài.

Vua Thái Tổ sáng lập triều đại nhà Lý lúc nhỏ đã có một tiêu sử khá ly kỳ, bí mật. Khi ông lên ba tuổi, bà mẹ đem ông giao cho nhà sư Lý Khánh Vân trụ trì chùa Cổ Pháp làm con nuôi, được đặt tên là Lý Công Uẩn. Vì vậy, trong dân gian đã lưu truyền lời ca dao:

*“Con ai đem bỏ chùa này,
A Di Đà Phật, con thầy thầy nuôi.”*

Vì nhà vua xuất thân từ cửa Phật, nên Phật Giáo được khuyến khích mở mang, trong khi đó Văn Miếu cũng được thiết lập để dạy Nho học và các khoa thi Tam Giáo được mở ra để tuyển chọn nhân tài . Từ đó nền văn hóa Lạc Hồng càng được thắm tươi:

*“Tiếng chuông lay bóng Bồ Đề,
Con chim trắng cánh bay về Tây Thiên.
Mong sao dân tộc bình yên,
Đạo lành che chở dân hiền thương yêu.
Dù cho đất sập trời xiêu,
Lòng tôi vẫn nhớ những điều giá gương.
Khắp nơi đồng ruộng phố phường,
Nhớ lời Phật dạy phải thương nhau cùng.
Đạo vàng điểm núi tô sông,
Xây nền văn hóa Lạc Hồng thắm tươi.”*

Có lẽ lâu đời hơn nữa còn có hai câu ca dao rất phổ biến trong dân gian:

*“Nhiều điều phú lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau Cng.”*

Mệnh đề *phải thương nhau cùng* ở bài ca dao trên và hai câu ca dao dưới không phải ngẫu nhiên trùng hợp, mà tất yếu phải có của một nền văn hóa đạt minh triết. Văn hóa chủ ở chữ nhân, còn văn minh thì chủ ở chữ trí.

Kể từ đó văn hóa dân tộc được tài bồi mỗi ngày một khởi sắc theo hướng nhân bản tâm linh, phát huy trí, nhân, dũng theo tinh thần Nho Việt và bi, trí, dũng theo tinh thần Phật Giáo. Sự thành công của Tam giáo đồng nguyên thời đại Lý-Trần là sự tổng hợp ba nguồn tư tưởng lớn dựa trên nền tảng của Đạo Việt, tính Việt. Chính nền tảng đó là nhân tố quyết định sự thành công của sự tổng hợp. Thật vậy, nước Đại Việt thời đó nói chung thật hùng mạnh, đời Lý phá Tống, bình Chiêm; đời Trần đại thắng quân Nguyên. Đất nước sau những năm chiến tranh chống giặc ngoại xâm đã thực sự trở nên thanh bình, thịnh trị như cõi Phật, mà trạng nguyên Huyền Quang Lý Tải Đạo đã mô tả như sau: \

*“Phen những ôi!
Tây Trúc đường nào
Năm châu có mấy
Non Linh Thử ai đem về đây
Cánh Phi Lai mặt đờ thấy đây
Vào những cõi thánh thênh thênh
Thoát rẽ lòng phàm phây pháy...”*

Trên nền tảng vững chắc như vậy, đất nước lần lượt sản sinh nhiều nhân tài từ văn học cho đến anh hùng dân tộc, lưu lại những công trình xây dựng di tích lịch sử...nhất là ở kinh đô xúng danh là nơi có nghìn năm văn vật:

*“Thăng Long, Hà Nội đô thành
Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.
Cổ đô rồi lại tân đô
Nghìn năm văn vật bây giờ vẫn đây.”*

Khi nói: *Nền văn hóa* là nói đến nền tảng của văn hóa đó. Nền tảng của văn hóa Việt Nam là Đạo Việt, là tính Việt. Khi nói: *Con đường văn hóa* là nói đến quá trình hình

thành nền văn hóa đó. Quá trình theo hàng ngang có tính cách duy sử dưới quyền lực của duy lý chỉ chú ý đến sự kiện, biến cố, còn quá trình theo hàng dọc thì vận hành xuyên suốt đến tận tiềm thức, do đó việc nghiên cứu thuộc lãnh vực triết lý với bộ phận trừ năm bậc: *dụng, từ, ý, cơ, thể (tính)*.

Dụng bao gồm những đức tính, tật xấu, những lẽ lỗi, thể chế trong cuộc sống. Từ là chữ viết, tiếng nói, văn chương, văn nghệ. Ý là ý tưởng, khi phát triển thành hệ thống thì trở thành triết học, ý hệ. Những thứ này do bị đô hộ quá lâu dài, bị văn hóa nô dịch của đế quốc vùi dập, nên phần lớn bị mai một, tha hóa. Chữ viết bị tước đoạt, Từ không có thì ý cũng không, nghĩa là triết học coi như ta chưa có. Cơ là phần căn bản hơn cả, ẩn sâu bên trong nên được an toàn. Sự độc hại của văn hóa nô dịch của đế quốc chẳng khác nào sự tàn phá của tia tử ngoại trên mặt địa cầu khi chưa có lớp Ozon ở thượng tầng khí quyển như hiện nay (30 lần lớn hơn). Tia này có khả năng xuyên qua mặt nước xuống sâu tới 30 mét, điều này giải thích vì sao sinh vật xuất hiện ở dưới lòng biển trước tiên. Tia tử ngoại độc hại của đế quốc cũng chỉ tàn phá từ tầng dụng qua từ rồi đến ý là cùng, chứ không làm sao động đến được tầng cơ. Cơ là phần căn bản, lại tồn tại lâu đời nhất từ thời lập quốc, cho nên muốn xét tinh hoa văn hóa dân tộc thì phải xét đến đọt cơ. (Nghiên cứu đọt cơ sẽ được nói tiếp ở chương sau)

Nguyễn Văn Nhiệm
(Germany)



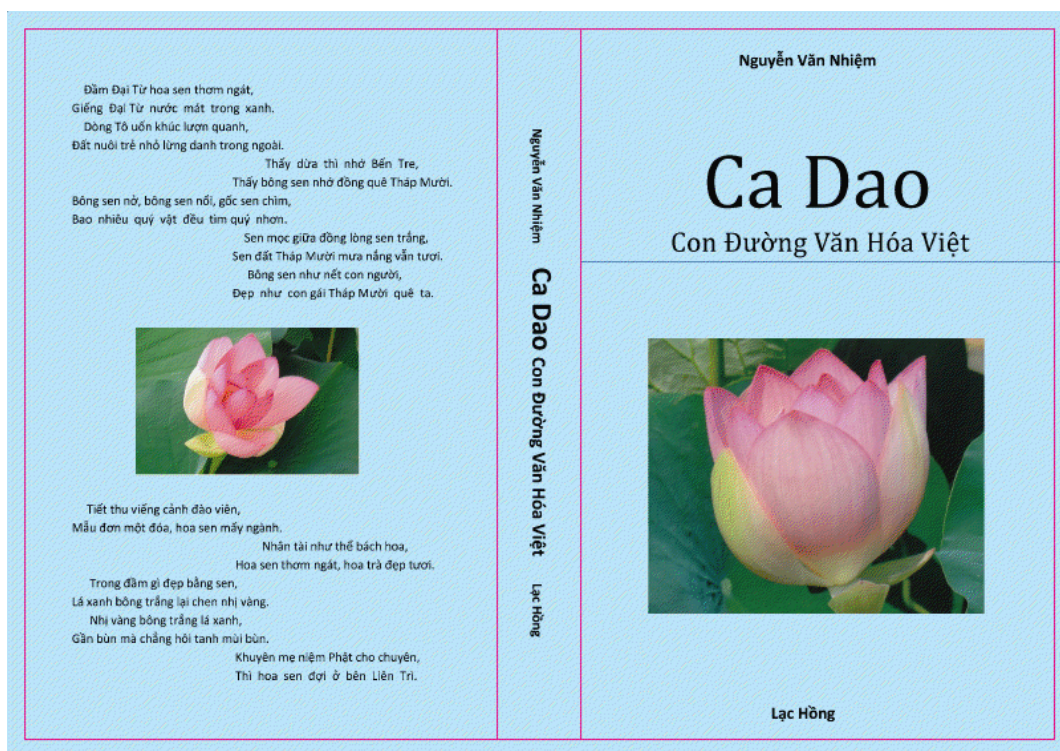
Nguyễn Văn Nhiệm:

Ngày sinh: 25- 01- 1943

Nơi sinh: Long Điền, tỉnh Phước Tuy

(Bà Rịa). Cựu học sinh Trường Tiểu Học Bà Rịa (1951-1956). Cựu học sinh Trường Trung Học Châu Văn Tiếp- Bà Rịa (1956-1963). Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn (1963- 1967). Cựu giáo viên Trung Học Đệ Nhị Cấp Bán Công Huỳnh Tịnh Của- Bà Rịa (1967- 1969). Cựu sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (Khóa 3/69). Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (1969- 1975). Tập trung tại trại tù Xuân Lộc, Long Bình, Văn Chấn, Yên Bái, Tân kỳ (1975- 1981). Định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ 1982 đến nay. Tác phẩm đã xuất bản:

- Đường vào Triết học Việt Nam (2008)
 - Ca Dao- Con đường văn hóa Việt (2013)
- Hiện tại đang cộng tác với Cổ Thơm



Thời Gian Còn Lại

Nhạc và lời : Vũ Đức Nghiêm

Chậm & buồn

The musical score is written in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 4/4 time signature. It consists of six staves of music. The tempo and mood are indicated as 'Chậm & buồn' (Slow & Sad). The lyrics are written below the notes. There are several triplet markings (indicated by a '3' over a bracket) in the score.

Thời gian còn lại nào ai biết bao lâu, Ta chia cho
nhau ngọt bùi, cay đắng, khổ đau Thời gian còn lại dù sẽ không bao
lâu, Ta vẫn bên nhau từ trẻ đến khi bạc đầu Thời gian còn
lại,, người bạn đời đầu yêu ơi, Qua những tháng năm mệt mỏi xác thân rã
rời Thời gian còn lại, mình cầm tay đi nhau đi tới, Cho đến khi Từ
Thần chia liã ngăn cách hai nơi. Nhìn ánh mắt em, ta thấy một trời ta mơ

ước Và nụ cười dịu hiền là đài hoa sương sớm long lanh. Ta sẽ không rời xa
 nhau, từ nay đến khi xa lìa đời Như đôi chim tung cánh về khung trời miền viễn yên
 vui Thời gian còn lại lòng ta tha thiết ước mơ Trọn đời chung
 đôi dù năm tháng không phai mờ Rồi đây một người đi xa xôi, một người ngơ
 ngác trong đôn cỏ, tiếc nuối xa vời, chỉ còn thương nhớ mà thôi.

Mời quý vị nghe nhạc ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac/VuDucNghiem/ThoiGianConLai-VDN-VTH.mp3>



Nhạc Sĩ **Vũ Đức Nghiêm** và phu nhân (Bà **Dương Thị Năng**) – Thanksgiving 2011

CÁNH BÈO BÊN SÔNG

Mai anh đi như giòng sông chảy xiết.
Về cô phương tiện biệt gió trắng rừng
Em ở lại, như cánh bèo mỗi mệ.
Tấp bên bờ lau sậy khóc trùng dương..

Ôi cánh bèo như tuyết trắng bên sông
Trời đất trắng sao cũng bênh bồng nỗi nhớ
Ta đã mất nhau từ vạn thuở.
Vẫn còn nhau rồi êm ái xa nhau.

Biển dẫu rộng đâu biết mình tù hãm..
Gió trong êm sao sóng cứ xô bờ.
Sông rút nước, biển không thành dịu ngọt .
Cánh bèo ơi, cứ đợi giữa đường mơ.

Hãy bám rễ, nẩy mầm, đơm hoa tím.
Rải hương yêu cho cỏ dại hoa hiền.
Sông vẫn chảy quanh em lời ngọt lịm
Để muôn đời anh vẫn có trong em.

Lam Điền Nguyễn Thử (North Carolina)

TIỂU SỬ

Lam Điền Nguyễn Thử tên thật là Nguyễn Hữu Thử sinh ngày 5/3/1944(Giáp Thân) tại Quảng Nam.

- Từ 1958-1965 Cựu học sinh trường Trần Quý Cáp, Hội An.
- Từ 1965-1968 Sinh viên trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn .
- Từ 1968-1971 SVSQ trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt.



- Từ 1971-1975 Sĩ quan CTCT /QLVNCH.
- Từ 1975-1980: Tù Cộng sản qua các trại Hiệp Đức, Kỳ Sơn Phú Ninh ,Tiên Lãng .(QN)
- Từ 1980-1985: Làm ruộng tại Quảng Nam.
- Từ 1985-1994: làm rẫy tại Long Thành Đồng Nai .
- Từ 1994- nay 2013 Định cư tại NC Hoa Kỳ theo diện H.O.

Sinh hoạt văn hoá văn nghệ... Làm thơ và viết truyện ngắn

Từ 1965 có thơ đăng trong các tạp chí như Văn Học, Bách Khoa, Văn Nghệ Tiền Phong, Tiểu Thuyết Thứ Năm với các bút hiệu Nguyễn Hữu Ngân Hà , Thủy Linh, Nguyễn Thu và Lam Điền Nguyễn Thử. Xuất bản Thơ Sông Ngân và tập thơ in chung "lời Ru Tình " 1970.

Hiện nay tham gia các Diễn Đàn Thơ Văn, Bạn Văn Nghệ, Đào Viên Thi Các... và đặc biệt cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm ...

Ngại Gì Tuổi Hạc

Cuộc đời son trẻ đã đi qua
Còn lại sương fa trắng tuổi già
Nắng Hạ cho dù phai tận gốc
Mưa Thu cũng cứ trở thêm hoa
Đơ tầm vẫn nhả cho đời thắm
Thi tứ còn tuôn tận cõi xa
Luôn góp vần thơ vui xướng hoạ
Ngại gì tuổi hạc đến cùng ta.

Kiều Anh

Hạ 2013

Nghênh Chào Tuổi Tác

Họa

Tháng ngày trên lịch lướt trôi qua
Báo hiệu gương soi những nét già
Tiếng hát còn vang theo điệu nhạc
Chân đi chưa mỏi giữa vườn hoa
Đô son cười đón hoàng hôn lạnh
Điểm phấn nghênh chào tuổi tác xa
Tâm sự vài dòng thơ gửi gắm
Mong người tri kỷ mãi yêu ta.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hè 2013

Dã Quỳ Ơi!

Tiểu Thu

Thư đang xếp chồng hồ sơ vô tù thì điện thoại reo. Thư allo, tiếng Thu Minh bên kia đầu dây:

- Chị Thư ơi, em biết chị bận lắm nên nói vắn tắt thôi. Bác Phúc mất hôm qua. Con gái bác báo tin cho em sáng nay. Cô ấy nói sẽ quàn ở Cimetière de L'Est trên đường Sherbrooke gần nhà chị đó. Viếng thứ bảy và Chúa nhật nha. Từ 2 giờ đến 9 giờ tối. Thôi em cúp đây. Nếu chị đi vòng hoa thì cho tên vợ chồng em vô. Đừng quên đó nha.

Thư chưa kịp nói cảm ơn thì điện thoại đã cúp. Nàng đặt điện thoại xuống, trong lòng không khỏi ngậm ngùi. Thư thương bác Phúc như một người ruột thịt. Nhớ lại những ngày mới chân ướt chân ráo đến thành phố Montréal, Thư ngỡ ngàng như một con nai tơ từ trên rừng lạc xuống đồng bằng. Sau sáu tháng học tiếng Pháp do chính phủ đài thọ, nàng cầm tờ giấy giới thiệu của Sở di trú đi xin việc trong hãng may trên đại lộ Ste Catherine. Công việc của Thư là ủi và gấp những chiếc áo sơ mi mới may. Công việc này phải đứng từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Nửa giờ ăn trưa. Buổi chiều lê cặp chân rã rời về đến nhà, Thư chỉ muốn lăn ra ngủ vì quá mệt. Vậy mà nàng cũng cần răng làm được năm tuần thì hãng đóng cửa. Thì ra họ làm theo mùa. Hết mùa thì đóng cửa. Luật ở đây phải làm đủ tám tuần mới được ăn tiền thất nghiệp, nên Thư lại

cầm giấy giới thiệu vào làm hãng ly giấy. Thân hình bé nhỏ của nàng đứng trước cái thùng cạt tông to đùng đựng đầy ly từ máy sản xuất đổ ra, nàng phải kiễng chân, khom lưng để lấy và xếp ly thành từng chồng. Suốt ngày liên tục không ngừng tay. Vì những chiếc ly do máy sản xuất phun ra liên hồi, nếu ngừng tay sẽ xếp không kịp! Đến ngày thứ ba thì Thư có cảm giác cái lưng nàng sắp gãy ra đến nơi. Cả người rã rời, đau đớn như bị tra tấn! Thư buồn lắm. Nếu không đi làm thì mẹ con nàng sẽ sống ra sao? Bà Luân, mẹ Thư chỉ ở nhà lo cơm nước, chứ từng tuổi này đi học sinh ngữ làm sao vô? Chiều ngày thứ ba, trên chuyến xe buýt chật như nêm, vì nơi này là khu kỹ nghệ, sáu giờ chiều tan sở công nhân túa ra đông như kiến, nàng đã may mắn gặp bác Phúc. Bác hỏi thăm Thư và khi nghe cô than đi làm mệt quá, bác thương hại rủ đến sở bác đang làm xin việc. Đây là một hãng chuyên làm nữ trang giả nhưng thuộc hàng cao cấp. Làm việc rất nhẹ nhàng và họ đang cần người. Thư mừng quá cảm ơn rối rít.

Sáng sớm hôm sau nàng có mặt nơi văn phòng và được nhận vào tức khắc. Ông chủ dẫn Thư ra phía sau văn phòng. Gian phòng rộng mênh mông. Ngồi hai bên những chiếc bàn dài, đám công nhân chăm chú làm việc. Ông chủ gọi một người thanh niên da đen cao lớn tới báo chia việc cho Thư. Anh ta dẫn cô đến chỗ chiếc ghế còn trống, bảo ngồi xuống và đi lấy một cuộn dây kim loại to tướng, một cây thước dây và một chiếc kéo nhỏ dùng cắt kim loại đưa cho Thư. Anh ta chỉ cho cô cắt từng khúc, chiều dài cố định. Anh chàng đi rồi Thư đưa mắt nhìn chung quanh. Cô thấy nhân công độ một nửa da đen, số còn lại da vàng và trắng. Nhưng số da trắng tương đối ít hơn vàng. Ngay trước mặt cô là một cô gái Việt Nam chưa đến hai mươi tuổi,

rất xinh. Thấy Thu nhìn, cô bé nhoẽn miệng cười, tự giới thiệu:

- Em tên Thu Minh.

Thu cũng cười:

- Tôi tên Minh Thu. Suýt tý nữa là mình trùng tên, tuy ngược chiều!

Cô bé cũng cười, lộ hai núm đồng tiền trên má. Thấy tên da đen cao lớn đưa mắt nhìn một cách nghiêm khắc, Thu Minh vội vàng cúi xuống đo đo, cắt cắt, sau khi đã ra hiệu cho Thu đừng nói chuyện nữa. Đến giờ giải lao mười lăm phút, Thu Minh nói cho Thu biết anh chàng da đen tên Guy và là cai ở chỗ này. Hắn chỉ dưới quyền ông chủ mà thôi. Thu hỏi bác Phúc. Thu Minh dẫn Thu qua khu đóng hộp. Bác tương đối có tuổi nên được sắp vào công đoạn bỏ món nữ trang đã hoàn thành vào hộp, đóng nắp lại và đẩy qua người bên cạnh. Người này xếp vô thùng cạt tông. Sau đó có người bung xuống kho hàng chờ đem phân phối cho các tiệm bán lẻ. Thu cảm ơn bác Phúc đã giúp nàng tìm được công việc quá nhàn hạ. Thu Minh cười:

- Để rồi chị xem. Sau bữa ăn trưa, công việc chị em mình nhàn đến nỗi buồn ngủ muốn đú cả mắt luôn! Lúc đó người nào cũng muốn "lạy ông đi qua, lạy bà đi lại". Thấy Thu tròn mắt không hiểu, cô bé phá lên cười "thì ngủ gục đó chị". Bác Phúc cười hiền lành:

- Có gì mà cảm ơn. Trước kia có người giúp bác, giờ bác giúp lại cháu thôi. Đừng bận tâm nhé. Cứ làm ở đây, ông chủ người Do Thái nhưng cũng dễ chịu. Miễn là mình làm việc siêng năng là không lo thất nghiệp cháu ạ. Thu cảm ơn bác rồi trở về chỗ ngồi vì đã hết giờ giải lao. Hai cô đi ngang chỗ một phụ

nữ da đen khá đẹp, thân hình sexy trong chiếc áo đầm hở hang. Hai gò bồng đảo căng tròn như muốn nhảy ra khỏi chiếc áo cổ khoét quá sâu. Mái tóc cô nàng nhuộm vàng khè. Cặp mắt không một chút thiện cảm nhìn Thu Minh, con bé bĩu môi thì thào:

- Chị Thu biết không, con nhỏ này là bồ của thằng cai. Nó phách kinh khủng nên ai cũng ghét. Nó ganh với em vì thằng cai hay la cà lại chỗ của em. Đẹp như chị cũng nên coi chừng đó nha. Tên này không hiền đâu. Thấy gái đẹp là mắt sáng lên như đèn pha.

Thu nghe chỉ cười chứ không có ý kiến. Nàng nghĩ mình cứ chăm chỉ làm việc là ổn. Hơn nữa, mấy lúc này Quân tỏ ra săn sóc Thu một cách đặc biệt. Nghĩ đến Quân, tự nhiên Thu thấy trái tim đập mạnh hơn và hai má chột ửng hồng. Không biết từ lúc nào nàng hay nghĩ về chàng. Ngồi đo cát những cọng dây chuyền bằng kim loại, sau đó sẽ được đem nhuộm vàng, mà đầu óc Thu lùì dần về những ngày đã qua. Mới đó mà đã hơn một năm, kể từ ngày mẹ con nàng rời khỏi Việt Nam...

... Những tin tức thất thủ từ khắp các vùng chiến thuật đưa về, cộng thêm sự xôn xao của dân chúng Sài Gòn khiến bà Luân và Thu không khỏi hoang mang. Phía Cộng sản đã xé hiệp định Ba Lê và mở các mũi dùi tấn công vào Sài Gòn khiến tình trạng càng thêm rối rắm. Mọi người ào ào chạy đôi đô la xanh và mua vàng. Đến đêm 28-04, những tiếng pháo kích vào phi trường Tân Sơn Nhất ầm ì vọng về thành phố khiến mọi người sợ hãi đến cực độ. Nhưng biết chạy đi đâu? Mấy ngày nay cả hai mẹ con mất ăn mất ngủ. Nhất là bà Luân, đã một lần bỏ miền Bắc lánh nạn vào Nam. Tưởng yên thân, nào ngờ chúng lại đuổi theo đến nơi. Bà sợ đến rộc cả người!

Trưa 29, Chiếc xe jeep của ông Thiếu Tá Hữu bên cạnh nhà thẳng kết ngay trước cửa.

Ông chạy vội vào nhà, lát sau bà vợ và hai đứa con mỗi người một túi xách nhỏ chạy ra, leo lên xe. Thấy mẹ con Thu đứng nhìn với ánh mắt đầy lo âu, bà vợ ông Thiếu tá chạy sang hỏi nhỏ:

- Chị Luân và cháu Thu có đi với chúng tôi không? Nhà tôi nói có chiếc tàu Đại Hàn đậu ngoài Tân cảng sắp nhỏ neo đó. Nếu đi thì vào lấy ít đồ rồi theo chúng tôi.

Bà Luân mừng rỡ. Dù không biết là sẽ đi đâu, nhưng vợ chồng ông Thiếu tá Hữu là người Bắc, cũng từng di cư như bà. Họ đã đi thì chắc là đã biết sẽ đi đâu. Đi đâu cũng được, miễn là không phải sống với cộng sản. Nhà bà không có đàn ông, đi chung với ông bà Thiếu tá Hữu là yên tâm. Từ ngày Tiến, con trai bà, mất tích khi máy bay chàng lái bị Việt cộng bắn rơi, bà càng căm thù bọn họ đến tận xương tủy. Bà chẳng đã mất bao nhiêu là của cải năm 72 Mùa Hè Đỏ Lửa, chạy thực mạng từ Kontum về Sài Gòn là gì? Đã 3 năm mẹ con bà mua nhà ở cạnh ông bà Thiếu tá Hữu, hai nhà qua lại rất thân tình. Có món gì ngon bà Luân cũng mang biếu ông bà Thiếu tá Hữu nên họ rất quý. Bà vội giục Thu vào phòng lấy hai cái sac marin mà không hiểu do linh tính hay sao, mấy ngày trước bà đã sắp sẵn vào đó ít quần áo, vật dụng tùy thân và giấy tờ quan trọng. Bà thầm nghĩ biết đâu lại chẳng chạy trốn Cộng sản thêm một lần nữa?

Sáu người ngồi trên xe chật ních nhưng hề gì. Chạy giặc chứ có phải đi du ngoạn đâu! Trên đường ra Tân cảng hàng đoàn người xông vào những cơ quan Mỹ bỏ trống để hôi của. Họ vác đủ thứ chạy ngơ ngờ hai bên đường... Tiếng

súng nổ dồn khắp nơi khiến những người ngồi trên xe mặt mày tái xanh tái xám. May quá xe chạy vào Tân cảng bình yên vô sự. Người đông đen đứng lố nhố trên bến tàu. Một chiếc thang sắt nối liền bến tàu với con tàu. Một hàng người, già trẻ bé lớn tay xách nách mang đang dò từng bước tiến lên boong tàu. Hai người Mỹ đứng hai bên chân thang ra lệnh cho tất cả quân nhân muốn lên tàu phải bỏ súng và quần áo nhà binh lại. May mà bà Hữu có đem theo quần áo thường dân cho chồng thay nên mọi người được lên tàu không gì trở ngại. Vì được báo tin trễ nên khi sáu người lên tàu thì dưới hầm tàu đã chật kín người. Thì ra người ta đã lên tàu từ ba hôm trước. Những thủy thủ của tàu Đại Hàn có vợ hoặc tình nhân là người Việt. Họ báo tin cho những người này và những người này đưa cả tông chi họ hàng xuống tàu để ra khơi. Họ đem từng thùng đủ thứ như mì gói, cá hộp, thịt hộp, bánh trái... chất đầy để ăn dần. Khi gia đình ông bà Hữu và mẹ con Thu leo xuống hầm tàu thì chỉ còn một chỗ nhỏ xíu ngay phía dưới nắp hầm. Sáu người đành chen chúc nhau ngồi. Con tàu nhắm hướng ra Vũng Tàu. Lúc ngang khúc Rừng Sát mọi người nín thở, chỉ sợ Việt Cộng nã vài quả B40 thì nguy to. Gần một ngàn người dưới hầm tàu, bị chìm chỉ có nước theo ngài Hà bá! Dưới hầm tàu nóng như lò lửa. Trẻ con phải cởi áo mới chịu nổi. Mọi người dùng bất cứ thứ gì có thể quạt, hầu xua đuổi được chút đỉnh cái nóng như thiêu đốt. Nhìn khắp hầm tàu, Thu có cảm tưởng như hàng ngàn cánh bướm đang chuyển động.

Khi tàu ra ngoài khơi, không biết bao nhiêu là thuyền con từ các làng đánh cá ven biển chạy ra bu quanh hàng hàng lớp lớp. Thuyền trưởng đành cho lệnh vớt hết. Không hiểu sao đã chạy loạn mà những người này mang theo cả TV, xe gắn máy... Thủy thủ được

lệnh quăng hết xuống biển để lấy chỗ cho người ngồi. Thế là tầng trên có thêm hơn hai ngàn người nữa. Vấn đề vệ sinh thật tồi tệ nên hầu như người nào cũng bị bệnh đau mắt. Hằng ngày thủy thủ phát cho mỗi người một túi gạo sấy và một túi cá khô để ăn. Thức ăn này dành cho quân đội mang theo đi hành quân. Chỉ cần đổ nước vô là gạo nở ra. Thụ và hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu nuốt không vô vì cơm thì cứng, cá khô tanh quá. Qua đến ngày thứ ba thì tàu cập bến Subic bay, Phi Luật Tân. Sau khi được ăn uống, một số sĩ quan cấp tá và gia đình được lên máy bay sang đảo Guam. Những người còn lại sẽ theo tàu tiếp tục cuộc hành trình bằng đường biển. Mẹ con Thụ được đi máy bay là nhờ ông Thiếu tá nhận là họ hàng.

Guam là một hòn đảo nhỏ diện tích hơn năm trăm cây số vuông, nằm trong biển Thái Bình Dương và là một trong năm lãnh địa của Mỹ. Lính Mỹ chặt cây cối và dựng hàng ngàn căn lều vải trên hòn đảo trồng trái này. Khí hậu khá khắc nghiệt. Ban ngày nóng như thiêu đốt, gió thổi bay bụi đỏ mù mịt, nhưng đêm xuống lại lạnh ra trò. Hai gia đình được chia hai căn lều cạnh nhau. Lúc mới đặt chân lên Subic bay, sau những ngày nhịn đói nhịn khát dưới tàu, ai cũng ăn uống thả dãn. Thụ và hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu uống sữa tươi và ăn cam mỹ thoải mái. Lúc vừa đến đảo Guam, ba người bị Tào Tháo rượt chạy toi bời. May mà bà Thiếu tá Hữu có đem theo chai thuốc Parégorique mới cầm lại được!

Họ chẳng phải làm gì cả. Ngày hai buổi Thụ và mấy đứa nhỏ đi sắp hàng xin cơm. Hàng nào cũng rỗng rần dài cả

nửa cây số. Đứng hàng giờ dưới cái nắng chang chang, người nào cũng đen nhẻm. Lúc nào cũng nhận được một vá cơm nhão nhạt, một ít trứng quậy ra từ bột. Không có xì dầu cũng không có muối, vì hờ ra chai nào là bị thiên hạn mượn về lều làm của riêng chai này. Cuối cùng nhà bếp bèn để cho cái đám dân vô ý thức này ăn nhạt phèo cho khỏi lên tăng xông! Những người có tiền thì đến căng tin mua thức ăn ngon lành làm sẵn. Mẹ con Thụ chỉ có vài chục Mỹ kim trong túi, ăn hết cỡ cần đến thì sao? Thôi thì chịu khó đi xin cơm vậy. Một hôm Thụ đang sắp hàng với hai đứa con ông bà Thiếu tá Hữu, đột nhiên Thụ để ý thấy hàng bên cạnh có người đàn ông đang nhìn nàng chăm chú. Thụ nhìn lại. Nàng mơ hồ thấy quen quen. Đột nhiên người đàn ông rời hàng, bước sang và hỏi:

- Xin lỗi phải Minh Thụ bạn của Ái Châu không?

Tức khắc Thụ nhớ ra và reo lên:

- Anh Quân!

Quân gật đầu. Chàng cười, lộ hàm răng trắng bóng trên khuôn mặt đen sạm vì nắng gió:

- Đúng rồi. Thụ tới đây hồi nào?

- Dạ, em mới tới được hai hôm thôi. Em đi với mẹ em.

- Anh cũng đi với mẹ anh. Cô em gái ở Cần Thơ bị kẹt lại.

Hai người vừa nói chuyện vừa xê dịch theo đoàn người lấy cơm. Trước khi chia tay, Quân xin số lều để đến thăm mẹ Thụ. Anh nói chỗ lạ gặp người quen mừng quá. Hơn nữa mẹ anh rất buồn vì nhớ con gái còn kẹt lại Việt Nam. Ngày nào bà cụ cũng khóc. Anh nghĩ nếu các bà gặp nhau trò chuyện có lẽ sẽ bớt buồn hơn. Thụ về kể cho mẹ nghe về Quân. Sở dĩ nàng quen anh ta vì nhiều lần theo Ái Châu, là cô bạn cùng lớp thân nhất của Thụ, đến nhà bà di của nhỏ trong Hòa Hưng và đôi lần gặp Quân ở đó. Quân là bác sĩ quân y, có vợ tên Thúy Liễu và một đứa

con gái lên bốn tuổi. Quân quanh năm suốt tháng theo sư đoàn đi khắp các vùng chiến thuật, ít khi về nhà. Dù là lính "cao cấp" như Quân, không có phòng mạch thì lương lậu cũng chẳng bao nhiêu. Vì thế vợ chàng phải đi làm thêm và đã quen với ông Giám Đốc người Mỹ đầy uy quyền và giàu có. Cuối cùng, những món quà quý giá, đắt tiền đã khiến Thúy Liễu ngã vào vòng tay ông Giám Đốc. Sau khi li dị, cô ta lấy ông này và khi chiến trường VN sôi sục cực điểm thì Thúy Liễu đã đem con gái theo chồng về Mỹ. Tuy nhiên cô ta vẫn liên lạc với Quân để cho tin tức về con bé.

Buổi chiều Quân đưa mẹ lại lều của Thư. Bà Đắc trạc tuổi bà Luân, người tầm thước, da trắng, ăn nói nhỏ nhẹ. Hai bà mới gặp nhau mà đã có cảm tình. Nói chuyện một lúc thì khám phá ra trước khi đi cư năm 54, họ cùng ở phố Hàng Bột, gần Quốc Tử Giám. Hai người như sống lại thuở thanh xuân. Cùng nhắc bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm của thời con gái. Rồi sau hai ngày chuyện vẫn không biết mệt, mẹ Quân bàn với con dọn đến ở chung lều với mẹ con Thư. Họ chỉ cần kê thêm hai chiếc ghế bố là xong. Thấy mẹ vui vẻ, Quân tán đồng ngay. Bà Luân nói với Thư rằng trong lều có đàn ông cũng đỡ sợ, vì bà nghe bà Thiếu tá kể có nơi bị trộm đột nhập vào lều ăn cắp đồ. Tuy không có thứ gì đáng giá, nhưng cũng một phen hoảng vía!. Thế là ba gia đình ở gần nhau rất vui vẻ. Hai bà mẹ càng ngày càng thấy gần gũi và thương nhau như hai chị em. Dù gì thuở xưa ở cùng phố, lại góa bụa giống nhau. Đến ngày thứ bảy, sau khi đi thăm dò, Quân về lều báo tin có phái đoàn Canada đến mở văn

phòng nhận người định cư. Ông Thiếu tá Hữu có em du học Canada từ trước rồi ở lại luôn. Ông đã liên lạc được với cậu em, nên quyết định đi Canada. Riêng Quân thì có mối thù không đội trời chung với người Mỹ, nên cũng quyết định xin tỵ nạn ở Canada. Trước đa số, mẹ con Thư đành... phục tùng! Một tuần sau thì ba gia đình khăn gói quả mướp lên xe bus ra phi trường và sau đó lên máy bay đi Québec.



Hoa Quỳnh: Song Hà

Cả đoàn người léch thếch xuống phi trường Dorval khuya lơ khuya lác. Không ngờ được chính phủ tiếp đãi quá nồng hậu. Họ mướn khách sạn Queen giữa trung tâm thành phố Montréal để người tỵ nạn trú ngụ những ngày đầu tiên. Công chức của Bộ Di Trú đã có mặt ở khách sạn để làm giấy tờ nhập cảnh. Họ nhờ cả những sinh viên du học người Việt để thông dịch. Ăn uống thì ê hề thức ăn... tây. Chỉ tội nghiệp những người có tuổi, xa Việt Nam hơi lâu nên thêm com và nước mắm. Ai nấy đều mong mướn nhà riêng để tự nấu ăn. Quần áo

cũng được tiệm bách hóa Miracle Mart đem tới tận khách sạn phân phát. Khổ nỗi, không đủ size nên đành lấy đại. Thư nhớ mình đã lấy cái quần jean rộng thùng thình, trên cả hai số!

Một tuần sau mười tám gia đình được yên vị trong cùng một chung cư đường Alma. Nơi đây người quản lý da trắng dễ dãi. Nhiều gia đình đông tới bảy tám người vẫn mượn được căn phòng năm rưỡi. Nhà ông bà Thiếu tá Hữu bốn người thuê căn bốn rưỡi. Hai ông bà ngủ một phòng. Con gái phòng nhỏ và cậu con trai ngủ phòng khách. Gia đình Quân và Thư đều mượn ba rưỡi. Hai căn ở sát nhau. Trẻ con đông, ồn ào suốt ngày ngoài hành lang và có lẽ mùi thức ăn Việt Nam đã đuổi hết những gia đình da trắng đi chỗ khác. Mỗi sáng xe bus tới chờ học trò đi học, chỉ với trẻ con ở chung cư này là đầy một xe!

Khi Thư đi làm ở hãng Keays thì Quân xin được chân y công trong một nhà thương tâm thần, cách nhà tiếng rưỡi xe bus và métro. Quân chọn ca đêm, từ bốn giờ chiều đến mười hai giờ đêm. Buổi chiều cho bệnh nhân ăn uống, tắm rửa xong đi ngủ là chàng cùng mấy người bạn ngồi học bài. Muốn trở lại hành nghề, tất cả bác sĩ ngoại quốc bắt buộc phải qua một kỳ thi lấy bằng tương đương và một năm thực tập ở nhà thương. Tan sở lúc mười hai giờ đêm, đi bộ thật xa mới ra đến trạm xe bus, rồi chui xuống métro, sau đó phải đi bộ một quãng mới về đến nhà. Nên dù tan sở lúc mười hai giờ khuya, Quân về đến nhà là một giờ rưỡi. Loay hoay cũng phải hai giờ mới ngủ. Hôm sau dậy

muộn, ăn uống xong lại sửa soạn đi làm. Cực ơi là cực. May mà kỳ thi đầu tiên Quân đậu ngay. Thư còn nhớ rõ. Chiều hôm đó nằng đi làm về, từ dưới métro chui lên đã thấy Quân đứng lù lù tại cầu thang. Thư chưa kịp ngạc nhiên thì Quân đã cười tươi rói:

- Anh đậu rồi!

Thư cũng mừng quá, reo lên:

- Anh giỏi quá!

Quân nhìn Thư âu yếm:

- Em vui không?

Thư đáp không suy nghĩ:

- Vui lắm!

Nói xong nằng chột đồ mắt. Quân thi đậu thì có mắc gì đến Thư mà vui? Nàng ngượng ngùng nhìn Quân. Chàng mỉm cười nắm tay Thư, nói tinh bơ:

- Minh về đi. Cả nhà đang chờ tụi mình về ăn cơm.

Quân càng nói, Thư càng ngờ ra. Chẳng hiểu tại sao anh chàng lại dùng tiếng "cả nhà"? Thì thường thường hai nhà vẫn qua lại ăn cơm chung. Nhưng tiếng "cả nhà" hôm nay có vẻ không bình thường. Tuy nghĩ vậy nhưng Thư vẫn để yên bàn tay mình trong tay Quân. Nàng lại cảm thấy thật ấm áp, thật ngọt ngào. Thỉnh thoảng bàn tay Quân siết nhẹ tay Thư. Chàng nhìn cô bằng ánh mắt thật âu yếm. Thư mỉm cười. Thì ra chàng cũng yêu mình thật rồi. Từ mấy tháng nay cô thấy mình hay nghĩ về Quân. Trong sở làm có Chương, một cựu Giám đốc chi nhánh Việt Nam Thương Tín Sài Gòn cũ, trẻ, đẹp trai, độc thân vui tính đang tán tỉnh Thư, nhưng nàng vẫn tránh né. Thư so sánh Chương với Quân và chợt nhận ra tình cảm nàng nghiêng hẳn về Quân. Chàng không hoạt bát, đẹp trai bằng Chương. Nhưng từ con người Quân toát ra sự vững chãi, đáng tin cậy. Chàng săn sóc Thư một cách kín đáo, tế nhị. Không bao giờ có một cử chỉ hoặc một lời

suông sã. Thịnh thoảng Quân có một món quà nho nhỏ cho Thư mà không cần phải là một dịp gì đặc biệt. Chẳng hạn như mùa thu vừa qua, thứ bảy hai mẹ con Quân qua nhà Thư ăn vì chiều hôm đó bà Luân làm món bún thang. Chàng đưa cho Thư một gói nhỏ, bọc giấy hoa thật đẹp:

- Hôm nay đi qua một tiệm bán quần áo đàn bà, thấy chiếc khăn quàng cổ đẹp quá, mua cho Thư.

Nàng mở gói quà. Một chiếc khăn lụa màu hồng nhạt có in những chùm lilas tím. Thư vừa quấn khăn lên cổ vừa nói, giọng reo vui và cặp mắt long lanh:

- Đẹp quá. Cám ơn anh.

Quân nhìn nàng triu mến. Ánh mắt như cười. Hai bà mẹ kín đáo đưa mắt nhìn nhau có vẻ hài lòng. Hôm đó Thư bắt chàng ăn thêm một tô bún thang. Quân dù đã no cũng vui vẻ ăn thêm. Vậy đó. Cả hai người, tuy không nói ra miệng nhưng đều dành cho nhau những tình cảm ngọt ngào, đầm thắm nhất.

Tới đầu đường Alma, Thư nhẹ nhàng rút tay lại:

- Coi chừng có người thấy, kỳ lắm anh.

Quân cười:

- Mặc cỡ hở cô bé?

Thư nhìn chàng, trách móc:

- Còn gọi "người ta" là cô bé? Coi chừng Thư gọi lại anh là "ông già"!

Quân cười khẽ :

- Anh già lắm sao ?

- Em đùa thôi ! Thư lắc đầu.

Bước vào nhà, nghe mùi chả giò thơm lừng, nàng hỏi mẹ:

- Bữa nay đâu phải cuối tuần mà mẹ làm cơm đặc biệt vậy?

Bà Luân đang trở những cuộn chả giò vàng óng trong chảo, vừa trả lời con gái:

- À, nhân dịp cậu Quân thi đậu, bác Đắc và mẹ làm vài món ngon đãi cậu ấy.

Chợt nhớ ra, Thư hỏi tiếp:

- Ủa, sao hôm nay anh Quân không đi làm nhỉ?

- Cậu ấy xin nghỉ một hôm để đi xem kết quả.

Nhà sẵn mọi thứ nên mẹ làm món chả giò. Tí nữa bác Đắc đem gà quay và thịt nướng qua ăn chung. Con tắm đi rồi ăn cơm. Mẹ còn luộc bún.

Thư lấy quần áo đi tắm. Đứng dưới dòng nước ấm áp đổ xuống từ vòi sen, Thư cảm thấy thật dễ chịu và bỗng dung muốn cất tiếng hát một bản nhạc trữ tình. Dư âm hạnh phúc khi được Quân nắm tay vẫn còn đây. Không còn nghi ngờ gì nữa, nàng đã yêu Quân tha thiết... Trước khi rời bỏ Sài Gòn, Thư cũng có một mối tình nho nhỏ vất vại. Hùng và nàng gặp nhau trong một bữa cơm thân mật nhà người bạn. Hùng làm phó Giám đốc một hãng tư sản xuất nước ngọt. Chàng có đôi mắt màu hổ phách rất đẹp và rất lạ. Hai người mới bắt đầu cuộc tình không lâu thì bị chia lìa vì hiện tình đất nước. Tới giờ Thư vẫn không có chút tin tức gì của Hùng. Tuy nhiên, đôi khi nhớ đến chuyện xưa, trái tim vẫn còn chút bồi hồi. Thư mong chàng đã có tình yêu mới, vì dù sao giòng đời vẫn tiếp tục trôi và ta vẫn phải sống, dù có nhọc nhằn!

Khi Thư sấy khô tóc, bước ra khỏi phòng thì bà Đắc và Quân đã đem thức ăn sang và hai người đang giúp bà Luân dọn bàn. Thư vội vàng chạy đến giành lấy mấy cái bát trên tay Quân:

- Bác và anh Quân ngồi đi, để em làm.

Hôm nay được ăn bún chả thích quá. Bác làm món này ngon nhất. Bà Đắc cười tươi:

- Bác biết cháu thích món này nên mới làm đây. Hôm nào rảnh bác chỉ cho bí quyết. Mai một còn làm cho chồng con ăn nữa chứ. Phải không cậu Quân? Vừa hỏi bà vừa nhìn con trai

với ánh mắt đầy thương yêu. Quân không trả lời mẹ, chỉ đưa mắt nhìn Thu và cười cười khiến nàng đỏ mặt, lúng túng. Bà Luân bung đĩa bún vừa mới luộc đặt xuống bàn, rồi mời mọi người cầm đũa. Bà Đắc tấm tắc khen:

- Chả giò chị làm ngon quá. Vật liệu lấy đâu ra mà làm ngon thế?

- À, tôi có người bà con sang Pháp từ mấy năm trước. Cách đây hai tháng họ qua đây thăm chúng tôi, sẵn du lịch cho biết xứ Canada. Nghe tôi than bên này thiếu đồ Việt Nam nên anh chị ấy mang sang cho một thùng đủ loại đồ khô. Chợ Việt bên Paris có bán đủ mọi thứ chị ạ.

Trong bữa ăn, hai bà mẹ vẫn nhắc đến đề tài muôn thuở: Việt Nam trước ngày mất nước. Những kỷ niệm vui buồn, những đau khổ, hạnh phúc... ở Hà Nội, ở Sài Gòn...đủ cả khiến người nghe cảm thấy ngậm ngùi! Nhưng nói gì thì nói, bà Luân không bao giờ nhắc đến Hùng và bà Đắc không bao giờ nhắc đến Thúy Liễu trước mặt mọi người. Thu biết Quân vẫn thường phôn qua Mỹ thăm con gái. Nhớ lắm, nhưng chàng chưa có thì giờ cũng như phương tiện sang thăm con bé. Thúy Liễu mặc cảm có lỗi với Quân nên không bao giờ cầm càn cha con họ liên lạc với nhau. Lúc đầu, chính nàng còn đề nghị giúp mẹ con Quân một số tiền lớn để sống thoải mái, nhưng chàng cương quyết từ chối. Lòng tự trọng không cho phép.

Ăn xong, Thu đứng lên dọn chén bát qua bồn rửa chén. Quân cũng đứng lên định phụ một tay, nhưng Thu không cho. Nàng pha một bình trà mời mọi người uống và ăn tráng miệng những

chiếc bánh choux à la crème mà Quân mua hồi chiều. Nhìn những chiếc bánh choux xinh xinh, Thu không khỏi chạnh lòng, nhớ tới lần gặp Hùng trên căn gác trọ đường Tô Hiến Thành Sài Gòn. Người con trai có đôi mắt màu hồ phách đã làm con tim băng trinh của nàng rung động bồi hồi. Thu chớp mắt, lắc đầu để xua đuổi những hình ảnh vừa thoáng hiện.

Rửa chén xong Thu qua ngồi với mọi người. Quân rót cho nàng một tách trà. Sau khi ngần ngại một vài giây, chàng quyết định đứng lên. Quân nhìn Thu, rồi quay sang bà Luân, cất giọng trịnh trọng:

- Thưa bác, hôm nay là ngày may mắn của cháu. Vì thế, cháu trân trọng thưa với bác rằng, từ lâu cháu đã yêu Minh Thu và nếu em không chê, cháu xin phép bác cho cháu được xin bàn tay của em ấy...

Sự ngạc nhiên khiến Thu sững sờ. Nàng nhìn Quân đăm đăm, cặp mắt mở to, nói không nên lời.

Tiếng bà Luân kéo Thu về thực tại:

- Chuyện này bác để em Thu quyết định hoàn toàn. Nếu nó bằng lòng thì bác không có gì phản đối cả. Kìa Thu, nói gì đi chứ.

Thu lấp bắp:

- Con... con... đồng ý!

Ba người đang nhìn Thu chăm chú đồng loạt thở phào. Quân mừng rỡ bước qua cầm tay Thu đưa lên môi, mắt nhìn nàng đắm đuối. Hạnh phúc khiến chàng bất chấp sự có mặt của hai bà mẹ:

- Cám ơn em. Anh hứa sẽ cố gắng mang hạnh phúc đến cho em. Hãy tin tưởng anh.

Con bé Thu ngày xưa ngổ ngáo là thế, bây giờ cũng e thẹn, nói vừa đủ cho chàng nghe:

- Em tin anh!.

Vẫn cầm tay Thu, Quân nói với hai bà mẹ:

- Con nghĩ là trước khi đi thực tập nhà thương, chúng con sẽ làm lễ đính hôn. Nếu con

phải đi xa thì bác và Thu vẫn ở đây. Ra trường xong là chúng con cứ hành hôn lễ ngay.

Mọi người đều tán thành ý kiến của Quân và một buổi lễ đính hôn trong vòng thân mật được tổ chức một tháng sau đó, trước khi Quân đi Chicoutimi. Thu chỉ mời bác Phúc và Thu Minh, hai người thân nhất ở sở làm và gia đình ông bà Thiếu tá Hữu. Quân được Y sĩ đoàn và Bộ Y tế phân phối đi thực tập ở nhà thương Chicoutimi. Đây là một tỉnh nhỏ nằm về phía Bắc của tỉnh bang Québec, cách Montréal hơn 600 cây số.

Tháng bảy bắt đầu thực tập. Quân xuống trước để thuê nhà rồi mới trở về rước mẹ. Hôm tiễn đưa, hai bà mẹ bịn rịn không muốn rời nhau. Bà Luân sợ bà Đắc xuống nơi xứ lạ, Quân đi làm, bà ở nhà một mình sẽ buồn chán rồi sinh bệnh. Mà bệnh thì không có ai ở gần để săn sóc. Nhưng bà Đắc trấn an bà sui:

- Không sao đâu. Một năm qua nhanh lắm. Tôi sẽ gọi điện thoại thường xuyên cho chị. Khi nào Thu rảnh, hai mẹ con xuống thăm chúng tôi.

Thu cũng lo cho sức khỏe của hai người. Nàng nghe nói dưới đó lạnh hơn Montréal nhiều lắm. Thu căn dặn đủ điều khiến Quân phì cười:

- Em làm như anh bị đày lên xứ rừng thiêng nước độc không bằng. Đây là Canada đó em ạ. Chicoutimi tuy xa nhưng cũng đầy đủ tiện nghi như ở đây. Đừng lo quá, cô... vợ bé bỏng của anh.

Vừa nói Quân vừa đưa tay vuốt chót mũi Thu. Nghe Quân gọi mình là vợ, Thu xấu hổ ngúng nguẩy:

- Anh kỳ! Ai là vợ anh đâu!

Quân đe dọa:

- Được thôi. Có gì đừng trách nhé!

Thu trợn mắt:

- Có gì là gì? Anh có gì là chết với em...

Quân cười dòn:

- Coi em kia. Dễ thương quá làm anh muốn... thơm một cái!

Thu nhìn trước nhìn sau, thấy không có ai bèn ngước mặt lên:

- Thường anh. Xuống dưới gắng học, không được lộn xộn nha.

Quân cúi xuống đặt chiếc hôn thật nhẹ nhàng lên môi Thu. Nhưng hơi thở ấm áp, thơm tho của nàng khiến Quân rạo rục, chàng ôm siết thân hình mềm mại của người yêu và lần này một chiếc hôn thật nồng nàn, say đắm khiến cả hai cảm thấy choáng váng. Thu nhẹ đẩy Quân ra và nói trong hơi thở:

- Xuống tới dưới nhớ hôn về liền cho em. Thôi mình ra kéo mẹ sốt ruột.

Trước khi buông, Quân còn tham lam hôn nhẹ lên môi Thu một cái:

- Xin tuân lệnh bà xã yêu quý!

Thu nguyệt chàng một cái, nhưng trong lòng cảm thấy vừa ngượng ngượng vừa vui vui với tiếng bà xã. Lúc hai người ra ngoài thì bà Đắc đã sẵn sàng. Quân thuê một chiếc xe chở hàng nhỏ để tự lái xuống Chicoutimi. Đồ đạc có gì ngoài chiếc giường đơn và tấm nệm cho bà mẹ. Chiếc đi văng, ban ngày dùng để ngồi, ban đêm kéo ra làm giường ngủ. Hai cái tủ đựng quần áo nhỏ nhỏ, một ít vật dụng nhà bếp và hai valy quần áo. Quân đi rồi Thu bồn chồn lo lắng. Đường xa quá không biết chàng lái có an toàn không? Đến gần tối mới có phon của Quân gọi về. Chàng kể dân chúng ở tỉnh lẻ rất hiền lành, dễ thương. Thấy chàng dọn nhà một mình, hai người hàng xóm đã tình nguyện phụ một tay. Họ cũng cho mượn điện thoại để chàng gọi về cho Thu. Ngày mai Chúa nhật Quân còn nghỉ.

Sáng thứ hai mới bắt đầu đi nhà thương thực tập. Thư bảo rằng giữa tháng bảy hằng sẽ đóng cửa nghỉ hè hai tuần, mẹ con nàng sẽ xuống thăm bà Đắc và Quân ít hôm. Chàng nói:

- Mới xa có một hôm mà đã thấy nhớ em!

Thư cười khúc khích:

- Em cũng vậy. Thôi ráng lo học hành cho giỏi. Hai tuần nữa em xuống thăm.

Hai người thì thăm trao đổi những lời nhưng nhưng nhớ nhớ.... Cuối cùng Quân chợt nhớ ra:

- Thôi chết. Gọi về Montréal là viễn liên đó. Anh cúp nghe cung.

Sau đó là tiếng hôn gió trong phon. Thư ngồi đó, tay cầm chiếc phon và nhớ Quân, nhớ da diết. Thứ hai vào sở làm, trước vẻ mặt bản thân của Thư, Thu Minh trêu:

- Chị Thư đang nhớ chàng hả?

Thư cười gượng, tâm sự:

- Ừ. Anh ấy đi xa mới thấy là thương thật là thương em ạ. Trước đây chị tưởng trong đời mình không thể yêu ai được nữa sau khi mất liên lạc với anh Hùng.

- Nhưng lần này chị yêu anh Quân có khác với anh Hùng không hở chị? Thu Minh tò mò.

Thư ngẫm nghĩ một lúc mới trả lời, bởi nàng chưa bao giờ tự đặt câu hỏi:

- Khác em ạ. Lúc yêu anh Hùng chị còn ngây thơ, nhìn đời bằng cặp mắt màu hồng. Tình yêu rất sôi nổi và đầy mộng mơ. Giờ yêu anh Quân, chị đã chín chắn lắm rồi. Tình yêu đậm thắm hơn. Anh ấy cũng từng đổ vỡ như chị, nên ngoài tình yêu, anh chị ý thức được bốn phận phải mang hạnh phúc đến cho nhau.

Thu Minh nháy mắt:

- Túm lại, chị Thư của em bây giờ là người lớn rồi! May phước cho anh Quân. Hi hi hi!

- Con bé này! Thư máng yêu. Bao giờ đến lượt cô thì coi chừng tui à!

Hai chị em đang cười khúc khích, nhìn thấy khuôn mặt cau có như khi ăn gừng của anh chàng cai Guy thì vội vàng ngậm miệng. Thư và Thu Minh chăm chỉ làm đến giờ giải lao mới tiếp tục:

- Em học đến đâu rồi?

Thu Minh nghe hỏi chép miệng:

- Cũng oải lắm chị ơi. Sau chín tiếng ở đây, em chạy đến trường học thêm ba tiếng nữa. Nhiều khi ngủ gục luôn đó. Không lẽ suốt đời làm hằng này với đồng lương tối thiểu nên em mới cố hết sức đó.

Thư an ủi:

- Ráng lên em. Thu Minh còn trẻ, phải học một nghề chắc chắn cho tương lai. Chị nghe nói học ngành kế toán lúc nào cũng có việc làm.

Thu Minh phân bì:

- Chỉ có chị là sướng. Một năm nữa anh Quân học xong. Hai người cưới nhau chị sẽ không cần đi làm nữa. Sướng ghê!

Thư nhăn mặt:

- Ai bảo với em là chị sẽ ở không? Có mà chết sớm! Hôm trước anh Quân nói khi ra trường anh ấy sẽ mở phòng mạch tư và chị sẽ đi làm với anh ấy.

- À há! Một công đôi việc. Chị vừa làm có lương mà vừa canh chừng ông chủ! Thu Minh cười dòn.

Thư cốc đầu Thu Minh:

- Nhiều chuyện quá ghen nhỏ! Ai thèm canh làm gì. Yêu nhau phải tin tưởng chứ.

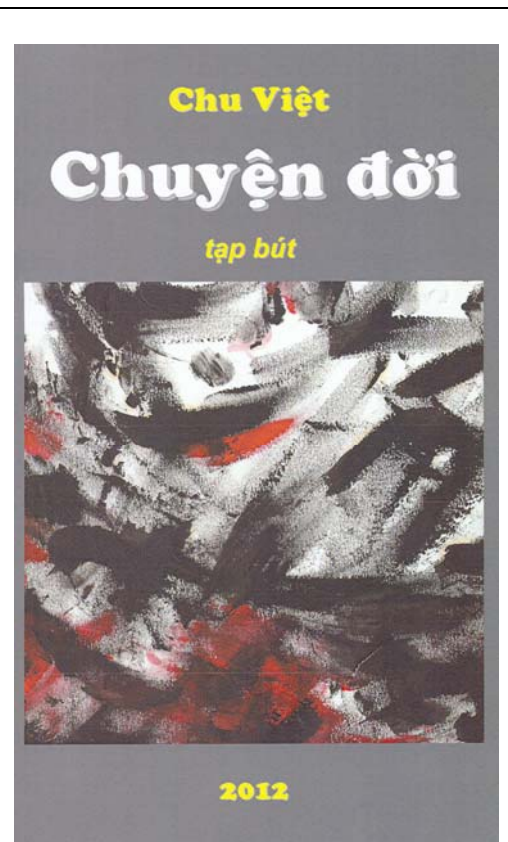
Thu Minh chu mỏ:

- Thôi chị ơi. Nói như chị có ngày... khóc hồng kíp à nha. Em thấy tụi đầm bên này... xả láng lắm đó. Nó mà thích là... cho liền, chứ không như người Á Đông mình. Chị thấy con

Linda không? Nó mê anh Phú như điều đồ. Em nghe mấy người trong phòng mài nói nó dụ khị anh ấy đi bar uống rượu với nó hoài. Chị thấy nó ăn mặc sexy kiểu đó đàn ông nào từ chối mới là lạ !

Thư phải công nhận con bé Thu Minh có lý. Con Linda chừng ngoài hai mươi tuổi. Tóc nhuộm vàng óng ả. Nó hay mặc đầm bó sát nên ngực và mông cứ ngồn ngộn. Trước đây nó bồ với một tên da trắng gốc Ý làm bên phía nữ trang bằng vàng thật. Sau này nó bồ anh Ý để theo ve vãn Phú. Phú cao lớn, đẹp trai làm trong phòng mài. Thấy cô đầm hấp dẫn, Phú cũng đi chơi với nó một hai lần. Anh chàng Ý ghen, đón đường cà khịa và suýt đánh nhau với Phú. Bạn bè khuyên Phú không nên đi với con Linda nữa. Thằng Ý nhờ Mafia thanh toán thì phiền lắm. Trong hãng có gần hai mươi người Việt Nam. Bác Phúc lớn tuổi nhất, còn thì từ mười tám đến ba mươi. Phần lớn sau giờ làm việc họ chạy vội vàng đến trường để theo một chương trình chuyên nghiệp nào đó, như Thu Minh chẳng hạn. Những công nhân ở đây gồm nhiều sắc dân, nhưng hầu như ngoài dân Việt Nam, những người khác có vẻ chịu đựng số phận làm công muôn đời ở đây. Mà cũng phải thôi, như dân đến từ xứ Haiti là một trong những nước nghèo và lạc hậu nhất thế giới, được làm ăn sinh sống ở Canada đã là thiên đàng rồi. Họ đâu còn mơ ước gì hơn? Trong khi đó, phần lớn dân Việt Nam ở đây ít nhiều gì cũng là dân trí thức, làm sao cúi đầu cam chịu làm việc tay chân mãi được.

(Còn tiếp)



**Tạp bút về chuyện mình,
chuyện người, chuyện nhà,
chuyện nước.**

**Xin cảm tạ
NHÀ VĂN CHU VIỆT
đã tặng sách và trân trọng giới
thiệu cùng quý độc giả.**

Henry Wadsworth Longfellow

The Arrow and the Song

I shot an arrow into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For, so swiftly it flew, the sight
Could not follow it in its flight.

I breathed a song into the air,
It fell to earth, I knew not where;
For who has sight so keen and strong,
That it can follow the flight of song?

Long, long afterward, in an oak
I found the arrow, still unbroken;
And the song, from beginning to end,
I found again in the heart of a friend.

Henry Wadsworth Longfellow
(Thi sĩ Mỹ, 1807-1882)

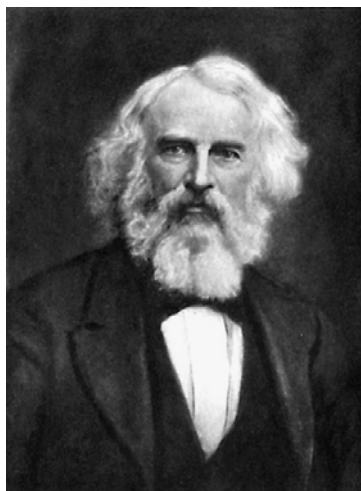
Mũi Tên và Bài Ca

Mũi tên ta bắn lên trời,
Tên sa xuống đất, biết rơi nơi nào.
Mũi tên vút nhẹ lên cao,
Mắt không dõi kịp đường nào tên bay.

Lời ca bay chín từng mây,
Rồi là xuống đất, không hay chốn nào
Mắt ai nhìn thấu trời cao,
Mà thấy tiếng hát rơi vào nơi đâu?

Trên cây sồi, mấy năm sau,
Mũi tên còn cắm như hầu vện nguyên.
Lời ca tròn ám, triền miên,
Vẫn còn ấp ủ trong tim bạn mình.

(Phạm Trọng Lệ dịch, 5/12/2000)



Nhận xét:

Bài thơ gồm ba stanzas, 12 câu, lời thơ giản dị, viết năm 1845, cách đây 168 năm, Tác giả là thi sĩ Mỹ sống ở thế kỷ 19 tên là Henry Wadsworth Longfellow (1807-1882). Bài thơ mang hai hình ảnh tương phản. Mũi tên tượng trưng sức mạnh của con người, có thể gây thương tích đau đớn hay cái chết cho kẻ khác. Mũi tên lại có thể bay cao, bay xa. Lời ca cũng do con người phát ra, dù bay cao đến mấy cũng không bằng mũi tên, trừ phi nhờ khoa học hiện nay có thể truyền tới bất cứ nơi nào trên trái đất. Bài ca, trái lại, có ảnh hưởng mạnh hơn. Mũi tên bắn đi còn cắm trên cây sồi, một thứ cây gỗ cứng. Cây sồi còn chịu được mũi tên, nhưng bài ca, dù không nhọn như tên, không cứng như gỗ sồi, nhưng khi ca lên, người bạn nghe thấy, hát lên, nhớ và thuộc nên lời ca nằm mãi trong tim, **thấu trong tâm khảm người nghe.**

Bởi vậy mà bài ca hay được người đời nhớ mãi. Như câu cuối trong bài sonnet 18 của Shakespeare, “Ngày nào con người còn hơi thở, mắt người còn trông thấy được thì ngày đó những lời thơ này tả vẻ đẹp của em còn sống mãi và em sẽ sống mãi trong tình thơ ta.” (“So long as men can breathe, or eye can see/So long lives this and this gives life to thee.”) Còn người còn kẻ ngâm nga/Vần thơ trác tuyệt nét hoa ngàn đời).

Đời sống của bài ca hay bài thơ--hay hiểu theo một nghĩa khác, tiếng nói của âm nhạc và ngôn ngữ--như vậy, lâu dài hơn đời sống của mũi tên vì lời ca được truyền từ của miệng từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sức mạnh của vũ khí chưa chắc địch nổi sức mạnh của bài ca. Henry Wadsworth Longfellow, thi sĩ Mỹ, sinh năm 1807, mất 1882, tác giả bài thơ Paul Revere’s Ride (kể lại chuyện người thợ bạc ở thành phố Boston tên là Paul Revere, cưỡi ngựa suốt đêm hôm 18 tháng tư, 1775, báo cho dân biết quân Anh sắp tới). Ngoài ra, Longfellow còn làm bài thơ dài The Song of Hiawatha, và Evangeline. Ông là thi sĩ Mỹ đầu tiên dịch trọn bộ ba cuốn thơ của Dante Alighieri’s The Divine Comedy sang thơ Anh.

(Nhà xuất bản Barnes & Noble in lại toàn bộ kèm theo hình minh họa của Gustave Doré (1832-1883), giá dưới \$25.)

Ông sinh ở Portland, Maine, học ở đại học Bowdoin. Ngay khi còn là sinh viên ông đã dịch thơ của Horace từ tiếng Latin sang tiếng Anh. Sau khi tốt nghiệp năm 18 tuổi, ông được nhà trường mời trước chức giảng sư với điều kiện ông du học thêm ở Âu châu. Ở đây ông vừa học vừa tự học tiếng Pháp, Spanish, tiếng Ý, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Phần Lan, Đan

Mạch, và tiếng Iceland. Trở về Mỹ, ông làm giáo sư sinh ngữ ở trường cũ Bowdoin; sau đó làm giáo sư sinh ngữ ở đại học Harvard. Năm ông 47, ông nghỉ dạy học và để toàn thì giờ làm thơ.

-Bài thơ trên được phổ nhạc trên youtube. <http://www.youtube.com/watch?v=JvPew6t5Eoo>

-Nhà xuất bản nhạc Stanton’s Sheet Music có Sound-Audio cho nghe thử ở <http://listeninglab.stantons.com/title/arrow-and-the-song-the/366072>

Bản nhạc có hòa âm giá \$1.99. **Có thể dùng để dạy luyện hơi và giọng.** Mua tại: Address 330 South 4th Street, Columbus, OH 43215, USA.

-Trường đại học Bowdoin cũng có ban hợp ca và phổ nhạc bài thơ ở:

The Bowdoin Longfellow Final Concert 2010
www.youtube.com/watch?v=WwnLEkYuZLI
<http://www.youtube.com/watch?v=YUqXyHyWdo>

Ghi chú: Xem tiểu sử Longfellow trong en.wikipedia.org/Henry_Wadsworth_Longfellow



PTL, 5/18/2013

LE CERF

O triste animal qui allonge le cou,

Tu es silencieux.

O Cerf aux andouillers odorants

Tu es de race céleste.

Tu contemples

Ton reflet dans l'eau

Tu te rappelles avec nostalgie

Une légende perdue

Tu regardes tristement au loin.

No Chon Myung (1912-1967)

Nữ thi sĩ Hàn Quốc. Bà sinh tại Whang-Hal. Ký giả về văn học cho nhật báo Chosun Ilbo. Giáo sư Đại Học Nghệ Thuật tại Séoul

MẮT NAI BUỒN

Nai buồn dài cổ kia ơi,

Sao im lặng, chẳng buông lời vu vơ.

Nai buồn sừng gạc thơm tho,

Vốn là nòi giống trời cho trên đời.

Ngắm mình trong bóng nước trôi,

Nhớ nhung về chốn xa vời cố hương.

Mắt rồi huyền thoại đau thương,

Mắt nai buồn gửi xa vương vấn đây.

Nguyễn Mây Thu

Dịch (28-04-2013)